

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
ANNUAL REPORT YEAR 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ
CAN THO PORT JOINT STOCK COMPANY



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

📍 Số 2, KV Phú Thắng, P. Tân Phú, Q. Cái Răng, Tp. Cần Thơ

☎ +84 292 365 8333 📠 +84 292 391 7395 🌐 www.canthoport.com.vn

✉ canthoport.info@gmail.com

✉ kdkct@gmail.com



I. Thông tin chung/ *General information*

1. Thông tin khái quát/ *General information*

Tên giao dịch:	CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ
Tên tiếng anh:	Can Tho Port Joint Stock Company
Giấy chứng nhận ĐKDN số:	1801319907, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 19/04/2017
Vốn điều lệ:	284.800.000.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	284.800.000.000 đồng
Địa chỉ:	02 Khu vực Phú Thắng, Phường Tân Phú, Quận Cái Răng, TP. Cần Thơ
Số điện thoại:	0292 652 64 83
Số fax:	0292 391 73 95
Website:	www.canthoport.com.vn
Email:	email@canthoport.com.vn
Mã cổ phiếu:	CCT

Quá trình hình thành và phát triển

❖ **Quá trình hình thành Cảng Cần Thơ (Cảng Hoàng Diệu):**

- Tháng 6/1980: Cảng Cần Thơ được thành lập trên cơ sở tiếp nhận một quân cảng thuộc Tiểu đoàn 804, Trung đoàn 659, Quân khu 9 trực thuộc UBND tỉnh Hậu Giang.
- 29/8/1980: Cảng trực thuộc Công ty Giao thông Vận tải Hậu Giang theo Quyết định số 390/QĐ-UB.80 của UBND tỉnh Hậu Giang.
- 28/11/1992: Cảng được chuyển thành Doanh nghiệp Nhà nước hạch toán độc lập, trực thuộc Sở Giao thông Vận tải Cần Thơ theo Quyết định số 1393/QĐ.UBT của UBND TP.Cần Thơ.
- 17/09/1993: Cảng Cần Thơ trở thành Doanh nghiệp Nhà nước hạch toán độc lập, trực thuộc Cục Hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 1828/KH-ĐT của Bộ GTVT.
- 30/07/2002: Cảng Cần Thơ được tổ chức lại thành đơn vị hạch toán phụ thuộc - trực thuộc Cảng Sài Gòn theo Quyết định số 2334/2002/QĐ-BGTVT ngày 26/7/2002 của Bộ

trường Bộ GTVT và Quyết định số 631/QĐ-HĐQT ngày 30/7/2002 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Hàng hải Việt Nam.

□ 16/11/2006: Tách chuyển nguyên trạng Cảng Cần Thơ – đơn vị trực thuộc Cảng Sài Gòn về làm đơn vị hạch toán phụ thuộc - trực thuộc Tổng công ty Hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 1045/QĐ-HĐQT ngày 16/11/2006 của Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Hàng hải Việt Nam.

❖ Quá trình hình thành Cảng Cái Cui

□ 06/6/2006: Cảng Cái Cui được thành lập theo Quyết định 1434/QĐ-UBND của UBND Thành phố Cần Thơ.

□ 16/8/2007: Thủ tướng chính phủ quyết định chuyển giao Cảng Cái Cui về Tổng công ty Hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 1050/QĐ-TTg.

❖ Quá trình hình thành Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ

□ 31/10/2013: Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ được thành lập trên cơ sở sáp nhập Cảng Cần Thơ (nay là Cảng Hoàng Diệu) vào Cảng Cái Cui theo Quyết định số 289/QĐ-HHVN ngày 19/6/2013 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam

Năm 2015:

□ 25/3/2015: Công ty tổ chức thành công Đại hội cổ đông thành lập Công ty CP Cảng Cần Thơ.

□ 31/3/2015: Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty CP với mức vốn điều lệ 284.800.000.000 đồng.

Năm 2016:

□ 25/4/2016: Công ty CP Cảng Cần Thơ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận hồ sơ Công ty đại chúng.

□ 01/7/2016: Công ty được Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký lưu ký chứng khoán với tổng số lượng chứng khoán đăng ký lưu ký lần đầu là 28.480.000 cổ phiếu.

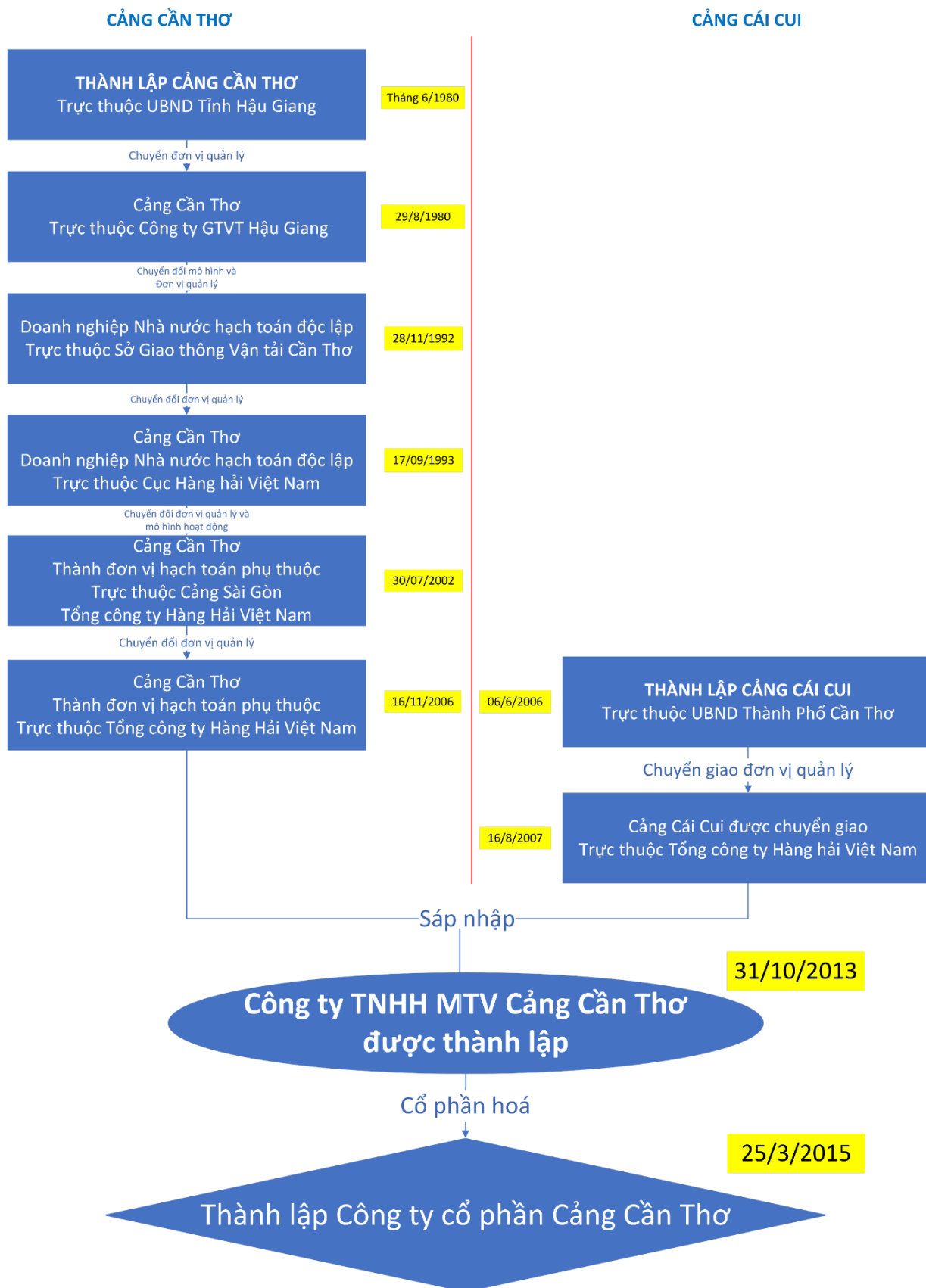
Năm 2017:

□ 20/6/2017: Công ty được Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu.

□ 30/6/2017: Cổ phiếu Công ty được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (Upcom) với mã chứng khoán CCT.



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ



Trải qua hơn 41 năm kể từ ngày thành lập cho đến nay, Cảng Cần Thơ đã trải qua nhiều chủ thể quản lý nhằm mục đích chuyển đổi phù hợp với cơ chế quản lý tạo điều kiện cho Cảng phát triển trở thành cảng biển có quy mô lớn nhất ở Đồng bằng sông Cửu Long, từng bước hoàn thành các mục tiêu Nhà nước giao phó đáp ứng nhu cầu, động lực phát triển kinh tế của vùng và khu vực hạ lưu sông Mekong.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ Lines and locations of the business:

2.1. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty:

- Bốc xếp vận tải;
- Cho thuê bến bãi và dịch vụ lưu kho bảo quản;
- Cung ứng xăng dầu;
- Kinh doanh dịch vụ phụ trợ khác;

Hoạt động bốc xếp, vận tải:

- **Về hoạt động bốc xếp:** bao gồm các dịch vụ bốc xếp hàng container, hàng thiết bị, dịch vụ thu gom, bốc xếp hàng tổng hợp, hàng bao, hàng rời... Đây là dịch vụ kinh doanh chính, chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu của Cảng Cần Thơ qua từng năm. Công ty hiện đang sở hữu và khai thác 667m cầu cảng biển, có khả năng tiếp nhận tàu có tải trọng 20.000DWT, 200m cầu cảng sông có khả năng tiếp nhận sà lan 1.000DWT; cùng với các loại cần trục có sức nâng từ 25 – 250 tấn, đủ khả năng bốc xếp cho các tàu có tải trọng lớn, giúp tiết kiệm thời gian, chi phí bốc dỡ.

- **Về hoạt động vận tải:** Công ty hiện đang sở hữu các đội sà lan, tàu lai dắt, đội xe tải container chuyên nghiệp, đáp ứng được các hoạt động vận tải hàng hóa đường thủy và đường bộ. Ngoài ra, Công ty còn liên kết với các công ty chuyên vận tải hàng hóa nhằm đáp ứng nhanh chóng và hiệu quả mọi nhu cầu của khách hàng.



Dịch vụ lưu kho bãi

- **Kho và dịch vụ lưu kho:** Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ đang sở hữu một hệ thống nhà kho với diện tích sử dụng lớn nhằm bảo quản và lưu trữ hàng hóa được tốt hơn. Công ty có nhiều năm kinh nghiệm trong việc kiểm soát, lưu trữ hàng hóa, có phương thức đóng gói hàng hóa cẩn thận, chính xác giúp tiết kiệm diện tích và giảm thiểu các chi phí phát sinh để có thể tận dụng tối đa diện tích kho bãi. Hệ thống kho của Công ty có tỷ lệ lấp đầy cao (từ 70-90%, có những thời điểm diện tích phủ kín lên tới 100% tùy theo mùa vụ).

- **Bãi và dịch vụ cho thuê bến bãi:** Với tổng cộng hơn 160.000 m² bãi hàng hóa ở các bến cảng biển Cái Cui, Hoàng Diệu và cảng sông Sóc Trăng, Công ty hiện đang sở hữu cơ sở hạ tầng bãi lớn nhất so với các cảng khác trong khu vực đồng bằng Sông Cửu Long, tỷ lệ lấp đầy chung toàn Công ty hiện ở mức 62,71%.

Hoạt động cung ứng xăng dầu

Là một trong những dịch vụ kinh doanh truyền thống của Cảng. Trong thời gian qua, dịch vụ cung ứng xăng dầu cho các đối tượng tàu chở hàng hóa qua cảng và các đơn vị vận tải trong cảng đang phát triển trở thành một trong những nhóm dịch vụ thường xuyên mang lại nguồn thu đáng kể của Công ty.

Hoạt động kinh doanh khác

- Ngoài các nhóm dịch vụ chính kể trên, Công ty hiện còn cung cấp các dịch vụ giao nhận, cung ứng hàng hải, dịch vụ cho thuê tàu lại và các dịch vụ khác. Các dịch vụ phụ trợ này tuy chiếm tỷ trọng doanh thu không cao nhưng lại đóng vai trò hỗ trợ quan trọng, giúp Công ty hình thành chuỗi cung ứng dịch vụ hàng hải đa dạng và hoàn chỉnh.

2.2. Địa bàn kinh doanh/Location of business:

❖ Cảng Cần Thơ hiện đang cung cấp dịch vụ chủ yếu tại thành phố Cần Thơ với các bến cảng biển tại Cảng Cái Cui, Cảng Hoàng Diệu và các bến phao trên sông Hậu.

❖ Cảng Cần Thơ hiện đang cung cấp dịch vụ gom vét than khu vực Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh; đồng thời, tham gia góp vốn tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn để cung cấp dịch vụ xếp dỡ và cho thuê kho, bãi tại khu vực này.

❖ Ngoài ra, ngày 19/4/2018 Cảng Cần Thơ đã chính thức đưa Cảng sông Sóc Trăng vào khai thác sau khi đấu giá thành công quyền tổ chức quản lý và khai thác Cảng sông Sóc Trăng do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng tổ chức. Việc Cảng Cần Thơ đưa Cảng Sóc Trăng vào khai thác đã tạo điều kiện thuận lợi để phát triển các chuỗi logistics của Công ty tại các tỉnh khu vực hạ lưu Nam Sông Hậu kết nối với các chuỗi logistics đang triển khai tại với các cảng biển trực thuộc Công ty. Cảng Sóc Trăng đóng vai trò quan trọng là trung tâm thu gom hàng hóa tại khu vực thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, một phần các tỉnh Hậu Giang, Bạc Liêu và Cà Mau để chuyển về các bến cảng biển trực thuộc Cảng Cần Thơ hoặc các cảng biển đối tác tại khu vực Thành phố Hồ Chí Minh, Cái Mép Vũng Tàu.



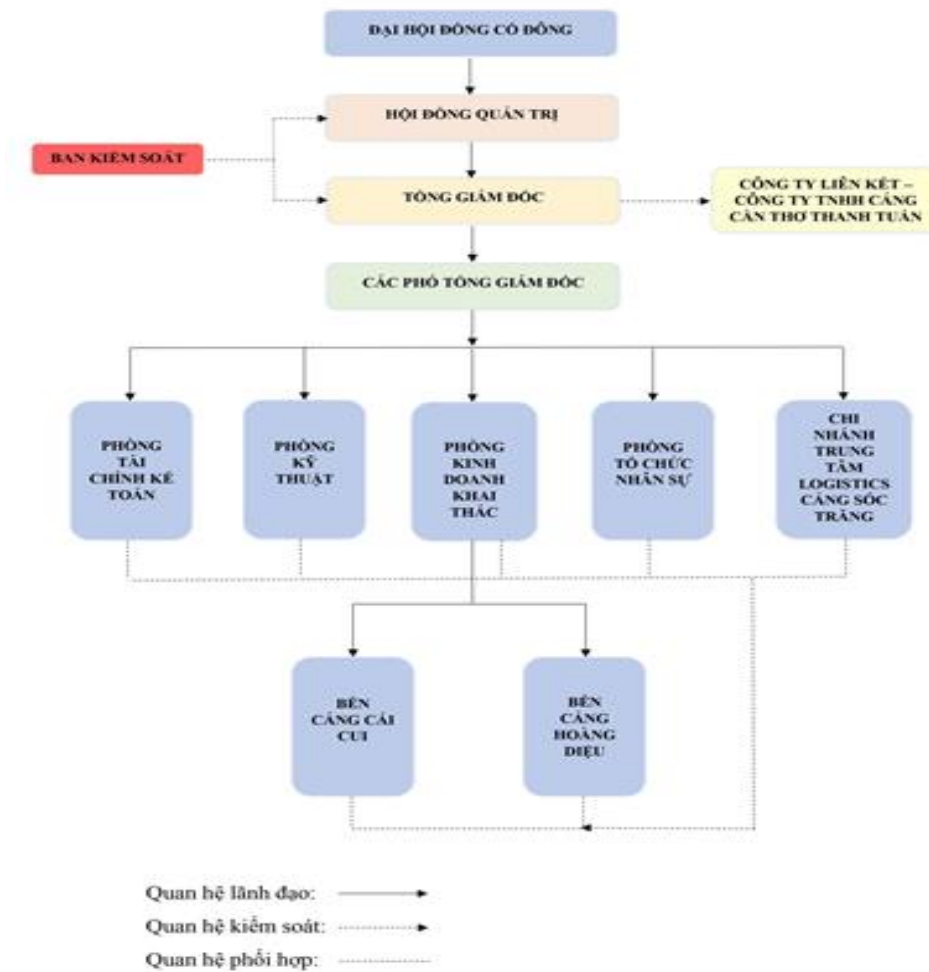
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/ Information about governance model, business organization and managerial apparatus

3.1. Mô hình quản trị/ Governance model.

Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ được điều hành và quản lý theo mô hình quản trị bao gồm:

- Đại Hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị (Chủ tịch và các thành viên HĐQT);
- Ban điều hành (Tổng Giám đốc và các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng);
- Ban Kiểm soát (Trưởng ban và các thành viên BKS);
- Phòng chuyên môn nghiệp vụ: Phòng Kinh doanh Khai thác, Phòng Tài chính – Kế toán, Phòng Tổ chức - Nhân sự, Phòng Kỹ thuật.
- Các đơn vị trực thuộc.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY



3.2. Các công ty con, công ty liên kết/ Subsidiaries, associated companies:

- Công ty con: Không có.

- Công ty liên kết:

CÔNG TY TNHH CẢNG CẦN THƠ – THANH TUẤN

Giấy CNĐKKD số: 2100420844 do Sở Kế hoạch đầu tư Tỉnh Trà Vinh cấp lần đầu ngày 02/08/2014, thay đổi lần 2 ngày 04/06/2014.

Địa chỉ: Hương lộ 81, ấp Cồn Ông, xã Dân Thành, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh

Điện thoại: 0743 852822

Fax: 0743 852585

Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng

Giá trị phần vốn góp: 10.000.000.000 đồng

Tỷ lệ nắm giữ: 50%

Giá trị đầu tư: 4.497.251.573 đồng

Ngành nghề kinh doanh: Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa

Các chi nhánh trực thuộc Công ty:

STT	Tên chi nhánh	Địa chỉ
1	Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ – Trung tâm logistics Cảng Sóc Trăng	272 Cao Thắng, Khóm 6, Phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

4. Định hướng phát triển/ Development orientations

★ Sứ mệnh:

Trở thành trung tâm kết nối chuỗi cung ứng, chuỗi logistics vùng ĐBSCL và là nơi mang giá trị tối ưu cho khách hàng.

★ Nhiệm vụ

Phát triển bền vững như cảng chiến lược quốc gia tại vùng đồng bằng sông Cửu Long và khu vực hạ lưu sông Mekong; trở thành nhà cung cấp dịch vụ cảng biển, logistics chuyên nghiệp, hiện đại, mang lại nhiều giá trị giúp khách hàng thành công.

★ Giá trị

➤ **Cải tiến không ngừng các tiêu chuẩn dịch vụ** so với các cảng khác trên vùng hạ lưu sông Mekong và trong khu vực.

➤ Luôn quan tâm đến **nhu cầu khách hàng** và cung cấp các giải pháp dịch vụ mang lại **sự tiện lợi và trải nghiệm tốt nhất đến khách hàng**.

➤ **Xây dựng đội ngũ nhân lực thành công** thông qua văn hóa doanh nghiệp; sự tôn trọng, nuôi dưỡng tài năng và hỗ trợ lẫn nhau.

➤ Gắn sự phát triển của cảng với việc **thúc đẩy sự phát triển bền vững** của môi trường sống và cộng đồng xung quanh cảng.

4.1. Các mục tiêu đối với môi trường

Công ty luôn chú trọng vấn đề về môi trường trong quá trình hoạt động kinh doanh, tăng cường thực hiện nhiều biện pháp nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường. Với mục tiêu phát triển bền vững, Công ty thường xuyên tổ chức tuyên truyền nâng cao ý thức tiết kiệm năng lượng của CBNV, bảo vệ môi trường chống biến đổi khí hậu.

Tăng cường sử dụng các nguồn năng lượng sạch và các vật liệu tiết kiệm năng lượng.

Bên cạnh lợi ích chung của Cảng Cần Thơ, Công ty luôn đẩy mạnh vai trò, đóng góp đối với lợi ích của cộng đồng nhằm góp phần vào sự phát triển chung của xã hội.

Đánh giá định kỳ việc xả thải để có biện pháp xử lý kịp thời và giảm thiểu gây ô nhiễm môi trường.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Về hoạt động khai thác cảng

Phát triển Cảng Cái Cui thành cảng biển tổng hợp trung tâm của vùng Đồng bằng sông Cửu Long với hạ tầng kho bãi, trang thiết bị, công nghệ quản lý hiện đại. Trong khi đó, Cảng Hoàng Diệu tập trung phát triển, khai thác các loại hàng bao, hàng rời, hàng thiết bị, hàng bách hóa,... kết hợp với các chi nhánh, Cảng sông Sóc Trăng, trạm đại diện tại Duyên Hải (Trà Vinh), Vàm Cái Sắn (Thốt nốt), tạo thành một hệ thống các bến cảng, phục vụ cho nhu cầu của khách hàng, thực hiện nhiệm vụ kinh tế, chính trị cho sự phát triển kinh tế xã hội tại địa phương và vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Triển khai phát triển đồng bộ cảng biển với cơ sở hạ tầng kết nối cảng và dịch vụ sau cảng; nâng cao chất lượng dịch vụ logistics phục vụ vận tải thuận lợi, tổ chức hiệu quả quá trình vận tải trong khu vực.

Hiện đại hóa hoạt động khai thác cảng thông qua việc ứng dụng khoa học công nghệ mới như: hệ thống phần mềm khai thác hàng tổng hợp, hàng container, hệ thống E-port; phần mềm quản lý kho hiện đại.

Về đầu tư

Công ty tiếp tục hoàn thiện kế hoạch đầu tư mở rộng cơ sở hạ tầng và thiết bị công nghệ ở hai Cảng Hoàng Diệu và Cái Cui nhằm phát huy tối đa vị thế Công ty tại khu vực. Hướng đến phát triển hoàn thiện hạ tầng logistics sau cảng (bao gồm ICD, depot, trung tâm chiếu xạ,...) tại bến Cảng Cái Cui, xây dựng kho hàng tổng hợp hiện đại quy mô lớn tại Cảng Hoàng Diệu để phát triển các chuỗi dịch vụ logistics kết hợp vận tải đa phương thức: đường biển, đường thủy nội địa, đường bộ và đường hàng không.

Phương thức đầu tư thông qua việc mời gọi các đối tác thực hiện các dự án đầu tư theo hình thức liên doanh liên kết, hợp tác đầu tư, nâng cao năng lực khai thác cảng và cung ứng dịch vụ hàng hải.

Về tài chính

Thi hành các chính sách tiết kiệm chi phí, hạ giá thành dịch vụ nhằm tăng tính cạnh tranh và tăng lợi nhuận cho Công ty, tận dụng hiệu quả nguồn vốn hiện có, quản lý chặt chẽ các chính sách công nợ, thu hồi vốn giảm thiểu rủi ro hoạt động cho Công ty.

Về nhân sự

Nâng cao trình độ quản lý, nghiệp vụ chuyên môn, tay nghề cho người lao động nhằm đáp ứng các đòi hỏi bức thiết của thị trường trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng cao, phục vụ cho việc định hướng kinh doanh, phát triển sản xuất của Công ty.

Từng bước trẻ hóa nguồn nhân lực, đổi mới chính sách đãi ngộ nhằm thu hút và giữ chân nhân tài, kết hợp tăng cường đào tạo, đặc biệt là đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, công nghệ để nâng tầm nguồn lực, đáp ứng tiêu chuẩn trong tình hình mới.

Xây dựng văn hóa doanh nghiệp “lấy khách hàng làm trung tâm” nhằm tập trung toàn bộ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp hướng đến khách hàng, tạo cơ chế và khuyến khích nhân viên chủ động thực hiện các giải pháp chăm sóc khách hàng.



5. Các rủi ro/ Risks:

Rủi ro về kinh tế

Với đặc thù kinh doanh liên quan đến hoạt động cảng biển, CTCP Cảng Cần Thơ sẽ không tránh khỏi những tác động của nền kinh tế đến hoạt động kinh doanh của mình. Chính vì thế đây là rủi ro không thể không nhắc đến trong quá trình hoạt động của Doanh nghiệp.

➤ **Tốc độ tăng trưởng GDP:** Tình hình kinh tế thế giới và trong năm chịu tác động suy giảm mạnh do dịch COVID-19 diễn biến rộng trên quy mô toàn cầu. Hầu hết các quốc gia đều có sự tăng trưởng âm, riêng tại Việt Nam nhờ có chính sách phòng chống dịch hiệu quả cùng với những chính sách đồng bộ hỗ trợ kịp thời cho doanh nghiệp đã hạn chế được đà suy giảm và tăng trưởng GDP 2,58% so với năm trước, riêng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa duy trì tốc độ tăng cao tăng 22,6% so với năm 2020, đây vừa là động lực, vừa là một cơ hội lớn cho Công ty trong năm 2021 khi việc hội nhập kinh tế trở nên phổ biến.

➤ **Lãi suất:** Trong quá trình hoạt động kinh doanh, tùy vào đặc điểm kinh doanh mà mỗi doanh nghiệp sẽ có cơ cấu vốn khác nhau nhưng phần lớn các doanh nghiệp sẽ vay vốn từ ngân hàng và biến động lãi suất ngân hàng sẽ có những ảnh hưởng nhất định. Với đặc

thù ngành đòi hỏi đầu tư, mua sắm tài sản để đáp ứng điều kiện đấu thầu dự án trong khu vực thì rủi ro lãi suất là rủi ro mà Công ty thường gặp phải. Tuy nhiên, biến động lãi suất hiện nay được Nhà nước kiểm soát khá tốt trong biên độ nên sẽ không ảnh hưởng nhiều đến việc trả nợ, trả lãi của Công ty.

➤ Tỷ giá: Biến động tỷ giá là rủi ro ảnh hưởng trực tiếp tới các doanh nghiệp có các hoạt động kinh doanh liên quan đến các giao dịch ngoại tệ. Với đặc thù hoạt động trong lĩnh vực khai thác cảng, đôi khi sẽ có dự án với các đối tác nước ngoài. Mặc dù các giao dịch ngoại tệ không diễn ra thường xuyên nhưng Công ty luôn quan tâm đến biến động tỷ giá để có các chính sách phù hợp nhằm tối thiểu chi phí.

Rủi ro đặc thù ngành

➤ Đứt gãy chuỗi cung ứng thông qua cảng: Trong 3 tháng Quý III năm 2021 dịch COVID-19 lan rộng ở khu vực miền Nam dẫn đến Chính phủ thiết lập quy định giãn cách xã hội của 19 tỉnh ĐBSCL. Điều này làm cho các chuỗi cung ứng hàng hóa thông qua cảng bị đứt gãy do các hoạt động sản xuất và các doanh nghiệp hầu hết đều ngừng do phải điều chỉnh quy trình hoạt động đáp ứng yêu cầu phòng chống dịch và thiếu nguồn nhân lực để vận hành bộ máy hiệu quả; dẫn đến lượng hàng hóa thông qua cảng suy giảm nghiêm trọng; lực lượng lao động xếp dỡ thủ công tại cảng cũng bị suy giảm do quy định hạn chế di chuyển; các quy định phòng chống dịch trong cảng cũng như trong quy trình xếp dỡ tại cảng đã ảnh hưởng nhất định đến năng suất xếp dỡ tại cảng. Số lượt tàu thông qua các cảng biển trong vùng suy giảm khoảng 10,1% so với cùng kỳ.

➤ Giá nguyên liệu: Bên cạnh hoạt động kinh doanh bốc xếp hàng hóa và dịch vụ lưu kho bãi, doanh thu của Công ty còn đến từ hoạt động vận tải và cung ứng xăng dầu. Đây là mặt hàng chịu sự quản lý chặt chẽ của Nhà nước, nhưng lại phụ thuộc lớn vào biến động giá dầu thế giới. Do đó, Công ty luôn chú trọng đến sự biến động giá cả nguyên liệu đầu vào nhằm cân bằng chi phí, có công tác đầu tư phù hợp đảm bảo triển khai các dự án một cách tốt nhất.

➤ Rủi ro cạnh tranh: Trong năm 2021, bên cạnh các thuận lợi từ hiệp định FTA, sự đầu tư mạnh mẽ của nguồn vốn ngoại, Việt Nam đã tăng cường mở rộng quan hệ với các nước trong khu vực và trên thế giới. Điều này vừa tác động tích cực lẫn tiêu cực đến hiệu quả hoạt động của Công ty, đặc biệt sự gia tăng số lượng cảng mới và việc mở rộng thị trường, liên doanh với các đối tác nước ngoài, đặc biệt sự cạnh tranh về giá đã gây ra những áp lực khiến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty gặp nhiều khó khăn. Để giảm thiểu rủi ro trên, Công ty luôn cố gắng tập trung tìm kiếm thêm khách hàng mới và mở rộng thị trường để cạnh tranh toàn diện với các doanh nghiệp trong và ngoài nước

➤ Chính sách xuất nhập khẩu: Các chính sách thuế, phí hải quan, tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa, chính sách kiểm dịch, kiểm tra an toàn vệ sinh và các chính sách quản lý đặc thù từng loại hàng hóa trong từng thời kỳ sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh cũng như lợi nhuận của Công ty, nhất là trong giai đoạn hội nhập như hiện nay, việc nói lỏng hoặc thắt

chặt chính sách kiểm soát tái xuất đặc biệt có những yêu cầu kiểm tra gắt gao, ảnh hưởng lớn đến lượng hàng thông quan qua Cảng và đặc biệt với dịch vụ container lạnh có thời gian không linh hoạt và chi phí bảo quản, lưu kho cao. Vì vậy, việc theo sát và cập nhật thông tin các chính sách mới được Công ty chủ động và thay đổi phù hợp theo từng thời điểm kinh doanh.

➤ Thời tiết: Việc vận chuyển hàng hóa qua Cảng chịu tác động khá lớn từ thời tiết, đặc biệt khi khu vực hoạt động xảy ra thiên tai, lũ lụt có thể khiến các hoạt động kinh doanh phải tạm ngưng, đồng thời gây khó khăn và thiệt hại cho các chuyến vận chuyển đang lưu thông và có thể ảnh hưởng tới các bên liên quan.

Rủi ro luật pháp

Với hoạt động kinh doanh đặc thù là khai thác cảng biển, Công ty chịu ảnh hưởng lớn từ các chính sách Quy hoạch phát triển ngành cảng biển của Chính phủ cũng như thành phố Cần Thơ. Vì thế việc cập nhật thay đổi chính sách nhằm thích ứng kịp thời luôn được Công ty chú trọng, nhất là trong giai đoạn hiện tại, Nhà nước đang có những nỗ lực trong việc điều chỉnh các văn bản luật kế toán, thuế, chứng khoán để phù hợp với sự thay đổi trong quá trình phát triển.

Để giảm thiểu những rủi ro pháp lý và đảm bảo luôn tuân thủ theo các quy định pháp luật hiện hành, Ban lãnh đạo và các bộ phận chuyên môn của Công ty luôn nghiên cứu kỹ các vấn đề pháp lý và phổ biến đến cán bộ công nhân viên để tránh các vi phạm ảnh hưởng tài chính và uy tín của Công ty.

Rủi ro về môi trường

Trong hoạt động kinh doanh khai thác, các cảng biển đều phải đối mặt với các vấn đề môi trường nước do liên quan đến các hoạt động của tàu thuyền ra vào cảng, xây dựng sửa chữa bến cảng, đổ phế thải, ... Sự tăng trưởng của hoạt động kinh doanh cũng đồng thời ẩn chứa nguy cơ tăng ô nhiễm môi trường từ các bến cảng.

Nhận thức bản thân là Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cảng biển, Công ty luôn chú trọng thực hiện các chính sách bảo vệ môi trường trong việc đầu tư xây dựng, mở rộng hạ tầng cảng cũng như các hoạt động kinh doanh.

Rủi ro khác

Các rủi ro bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, biến động chính trị xã hội, ... đều ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động kinh doanh của Công ty, cụ thể là ảnh hưởng đến tiến độ dự án cũng như gây thiệt hại đến các hàng hóa trong quá trình vận chuyển. Để hạn chế tối đa các thiệt hại có thể xảy ra, Công ty luôn tham gia đóng phí bảo hiểm cho người lao động và tài sản tại các tổ chức bảo hiểm uy tín.

II. Tình hình hoạt động trong năm/ *Yearly Operations*

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/ Situation of production and business operations

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	KH năm 2021	TH năm 2021	SS TH năm 2021 với TH năm 2020		SS TH năm 2021 với KH 2021
						Giá trị	Tỷ lệ (%)	Tỷ lệ (%)
1	Sản lượng, trong đó:	Tấn	1.787.667	2.100.000	1.631.600	-156.067	-8,73%	77,70%
	Container	Teus	17.121	11.400	13.604	-3.517	-20,54%	119,33%
2	Doanh thu	Tỷ đồng	114.470	118.000	123.044	8.574	7,49%	104,27%
3	LNTT	Tỷ đồng	1.353	2.500	2.641	1.288	95,20%	105,64%

Sản lượng hàng hóa thông qua Cảng Cần Thơ năm 2021 suy giảm so với năm 2020 (giảm 8,73%) do ảnh hưởng mạnh bởi tác động của dịch COVID-19 vào 6 tháng cuối năm 2021, nhất là giai đoạn Quý III/2021 19 tỉnh miền Nam phải thực hiện giãn cách xã hội làm hàng loạt doanh nghiệp phải đình trệ sản xuất và phục hồi khá chậm trong Quý IV/2021 do thiếu nguồn nhân lực. Dẫn đến nguồn hàng về cảng đã khá hạn chế nay lại tiếp tục suy giảm do dịch bệnh dẫn đến áp lực cạnh tranh ngày càng tăng cao, nhất là các khu vực có sự cạnh tranh cao như Vàm Cái Sắn, Cảng Hoàng Diệu.

Trước tình hình trên, Cảng Cần Thơ nỗ lực tiếp thị, duy trì thị phần đối với các mặt hàng truyền thống của cảng; đeo bám và phát triển các mặt hàng có giá trị dịch vụ cao như hàng phân bón, sắt thép, container; đồng thời, phát triển các cung cấp các dịch vụ chuỗi logistics đến khách hàng để tạo nguồn doanh thu mới, bù đắp sự thiếu hụt doanh thu từ sản lượng suy giảm; đồng thời rà soát tiết giảm các mặt hàng có sản lượng thông qua thấp nhưng sử dụng cơ sở hạ tầng kho, bãi nhiều.

2. Tổ chức và nhân sự/ Organization and Human resource

2.1. Danh sách Ban điều hành/ List of the Board of Directors:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Nguyễn Văn Phương	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	5.696.000	20%

2	Lê Tiến Công	Phó Tổng Giám đốc	2.300	0,01%
3	Tạ Khả Duy	Phó Tổng Giám đốc	3.200	0,01%
4	Lâm Trúc Sơn	Kế toán trưởng	2.600	0,01%

SƠ YẾU LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH

1. Ông Nguyễn Văn Phương – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	
Năm sinh	11/02/1966
Nơi sinh	Tp. Hồ Chí Minh
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Kinh tế Vận tải biển, Trung cấp Kế toán
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	-
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	5.696.000
2. Ông Lê Tiến Công – Phó Tổng Giám đốc	
Năm sinh	10/12/1971
Nơi sinh	Hậu Giang
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	2.300
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	-
3. Ông Tạ Khả Duy – Phó Tổng Giám đốc	
Năm sinh	22/05/1963

Nơi sinh	Hưng Yên
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Quản trị kinh doanh
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	3.200
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	-
4. Ông Lâm Trúc Sơn – Kế toán trưởng	
Năm sinh	03/03/1967
Nơi sinh	Sóc Trăng
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Tài chính – Kế toán
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	2.600
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	-

2.2. Những thay đổi trong ban điều hành/ Changes in the Board of Management:

Không

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên.

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
1	Trình độ trên Đại học	5	2,92
2	Trình độ Đại học	63	36,84
3	Trình độ Cao đẳng, Trung cấp	22	12,87
4	Trình độ khác	81	47,37
5	Tổng cộng	171	

2.4. Chính sách đối với người lao động

Chính sách nhân sự

Cảng Cần Thơ luôn xác định và nhận thức sự thành công của Công ty được hình thành và tích lũy từ sự thành công của từng người lao động. Công ty đã luôn quan tâm, thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách, phúc lợi; đảm bảo cung cấp cơ sở vật chất cho người lao động và triển khai các khóa đào tạo nâng cao nghiệp vụ, kỹ năng để tạo động lực cho người lao động phát huy tốt nhất khả năng, sở trường, vai trò của mình nhằm phát triển bản thân và cùng đồng hành với tập thể đóng góp vào sự phát triển của Công ty.

Chính sách tiền lương

Cảng Cần Thơ luôn chú trọng xây dựng chính sách đãi ngộ theo hướng cạnh tranh, công bằng, minh bạch đảm bảo thu nhập tương xứng với kết quả công việc và giá trị đóng góp cho doanh nghiệp. Tiếp tục thực hiện mục tiêu đó, trong năm 2021 Cảng Cần Thơ đã triển khai thực hiện xây dựng hệ thống lương 3P's để thúc đẩy mọi người phấn đấu, thể hiện năng lực cá nhân và nhận được quyền lợi tương xứng với năng lực thực tế.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/Investment activities, project implementation

3.1. Các khoản đầu tư lớn/ Major investments:

- Các hạng mục Kế hoạch đầu tư đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Stt	Tên dự án	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)
	Tổng cộng	23.050
	Đầu tư XDCB	7.000
	Dự án mua sắm thiết bị	16.050
1	Dự án chuyển tiếp từ năm 2020	7.000
1.1	Dự án đầu tư XDCB	7.000
1	Đầu tư xây lắp hệ thống cấp điện cầu tàu số 1&2 Cảng Hoàng Diệu	1.500
2	Đầu tư mua lại kho hàng số 7 tại chi nhánh Cảng Cái Cui	5.500
1.2	Dự án mua sắm thiết bị	
	Mua 01 cần trục bánh xích sức nâng thiết kế 60-90 tấn	3.900

2	Dự án khởi công năm 2021	16.050
2.1	Dự án đầu tư xây dựng cơ bản	
2.2	Dự án mua sắm thiết bị	16.050
1	Mua 01 xe máy đào (xe cuốc) dung tích gàu 0,3 m ³	650
2	Mua 01 cần trục bánh xích sức nâng thiết kế từ 70 tấn đến 90 tấn.	5.000
3	Mua 02 băng tải loại nâng hạ làm hàng trong kho và Container.	400
4	Mua 01 xe chụp Container (Reach Stacker) đã qua sử dụng	1.500
5	Mua 02 xe đầu kéo Container.	3.400
6	Mua 02 sơ mi rơ mooc sàn loại 40 feet.	600
7	Đóng mới 01 sà lan mặt bằng (Ponton) trọng tải 800 tấn	4.500

❖ **Kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư năm 2021**

- Đầu tư xây lắp hệ thống cấp điện cầu tàu số 1 & 2 Cảng Hoàng Diệu với tổng mức đầu tư được phê duyệt là 1,5 tỷ đồng (đang triển khai lựa chọn nhà thầu thi công)

- Đầu tư mua lại kho hàng số 7 với tổng mức đầu tư được phê duyệt là 5,5 tỷ đồng đã triển khai thực hiện xong với tổng mức đầu tư là 5,1 tỷ đồng.

- Tổng giá trị đầu tư ước thực hiện năm 2021: 6.600.000.000 đồng đạt 28,63% so với kế hoạch được duyệt.

❖ **Đánh giá chung về thực hiện kế hoạch đầu tư năm 2021**

Trên cơ sở thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/4/2021 của Đại hội đồng cổ đông Công ty, Cảng Cần Thơ đã triển khai kế hoạch đầu tư theo đúng tiến độ, tuy nhiên do ảnh hưởng tình hình dịch bệnh Covid -19 và thực hiện Chỉ thị 16/CT-Tg ngày 31/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch Covid -19 nên tiến độ thực hiện chưa đạt được như kế hoạch đã đề ra.

3.2. Các công ty con, công ty liên kết/ Subsidiaries, associated companies:

Cảng Cần Thơ đầu tư góp vốn tại liên doanh Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn chiếm 50% vốn điều lệ công ty với tổng số tiền 4.497.251.573 đồng. Năm 2021, hoạt động của liên doanh Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn đã chia lãi về cho Cảng Cần Thơ 150.000.000 đồng.

4. Tình hình tài chính/ Financial situation

4.1. Tình hình tài chính/ Financial situation

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021
Tổng tài sản	363.121.660.943	365.073.390.433
Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	112.564.820.588	121.946.310.725
Lợi nhuận gộp	26.025.475.298	30.263.043.922
Lợi nhuận trước thuế	1.353.188.334	2.641.028.510
Lợi nhuận sau thuế	1.353.188.334	2.641.028.510

- Các chỉ tiêu khác/ other figures: Không

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/Major financial benchmarks:

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021
Các chỉ số tài chính cơ bản		
Tỷ suất Lợi nhuận gộp/Doanh thu thuần	23,12%	24,82%
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	1,20%	2,17%
ROA (lợi nhuận trên tổng tài sản) (1 đồng tài sản tạo ra bao nhiêu đồng lợi nhuận)	0,37%	0,72%
ROE (lợi nhuận trên vốn chủ sở)	0,52%	1,00%
EBIT (Lợi nhuận trước lãi vay và thuế)	4.587.602.131	5.415.065.513
EBITDA (Lợi nhuận trước lãi vay, thuế và khấu hao)	20.413.851.208	21.241.314.590

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Shareholders structure, change in the owner's equity.

5.1. Cổ phần/Shares:

Vốn điều lệ: 284.800.000.000 đồng

Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 24.480.000 cổ phiếu

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

Cổ phiếu thường: 24.480.000 cổ phiếu

Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 24.480.000 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

5.2. Cơ cấu cổ đông/Shareholders structure:

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG TẠI NGÀY 31/12/2021

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số lượng cp năm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Cổ đông trong nước	103	28.467.800	99,96
	- Tổ Chức	02	28.210.500	99,05
	- Cá nhân	101	257.300	0,90
2	Cổ đông nước ngoài	08	12.200	0,04
	- Tổ chức	-	-	-
	- Cá nhân	08	12.200	0,04
	Tổng cộng	111	28.480.000	100

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

Tên tổ chức/ cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/VĐL (%)
Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	0100104595	Số 01 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	28.208.500	99,05

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Change in the owner's equity: Không.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ/ Transaction of treasury stocks: Không.

5.5. Các chứng khoán khác/ Other securities: Không.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ Report related impact of the Company on the environment and society

- Năm 2021, vào những tháng cao điểm lượng mưa và thủy triều tăng cao, để đảm bảo các hệ thống thoát nước, cống rãnh, kho bãi không bị ngập, ứ đọng gây hư hỏng hàng hóa,

đơn vị thực hiện triển khai công tác quản lý vệ sinh môi trường như: thường xuyên kiểm tra và thực hiện việc nạo vét hố ga, khơi thông đường cống rãnh, hệ thống thoát nước bên trong và khu vực xung quanh Cảng, các công trình phụ của nhà văn phòng làm việc. Ngoài ra còn thuê lao động công nhật thường xuyên quét, dọn vệ sinh đảm bảo giữ vệ sinh cho cầu cảng, đường nội bộ và quy định các bộ phận tự giữ gìn vệ sinh cho phòng, ban của mình. Hướng dẫn cán bộ chuyên trách ATLD, mạng lưới ATVSV, trưởng kho đảm bảo vệ sinh kho, bãi, hiện trường sản xuất.

- Giảm thiểu tiêu hao nguyên vật liệu, nhiên liệu gây hại cho môi trường. Bên cạnh đó, Công ty luôn tuân thủ quy định pháp luật về môi trường, về an toàn – phòng tránh cháy nổ nhằm đảm bảo hạn chế những thiệt hại về người và tài sản trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Kiểm tra việc giữ gìn môi trường làm việc trong phạm vi Cảng; sắp xếp phòng làm việc gọn gàng, sạch sẽ, khoa học, thông thoáng, văn minh, hiện đại; phát quang cây cối làm cỏ sạch sẽ, trồng thêm cây xanh cải thiện mỹ quan môi trường làm việc và hoạt động khác nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho CNVCLĐ trong đơn vị

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/Management of raw materials:

Hoạt động kinh doanh tại cảng bao gồm bốc xếp, vận tải, lưu và cho thuê kho bãi, cung ứng xăng dầu,... nên nguồn nguyên vật liệu được sử dụng chủ yếu là xăng, dầu, nhớt dùng cho vận hành máy móc thiết bị và công cụ dùng để vệ sinh nhà kho, bến bãi được công ty chú trọng quản lý và bảo quản lưu trữ tại các bồn chứa, kho chứa theo đúng quy định nhằm đảm bảo tiết kiệm tốt nhất chi phí hoạt động.

6.2. Tiêu thụ năng lượng/ Energy consumption:

Điện năng được Công ty sử dụng cho việc chiếu sáng tại các kho, điện văn phòng, hệ thống làm mát. Các nguồn nguyên liệu hóa thạch như xăng, dầu, nhớt được dùng để vận hành các máy móc, thiết bị chuyên dùng. Quá trình sử dụng các năng lượng này là nguyên nhân dẫn đến ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu. Do đó, Công ty đã có những chính sách hợp lý như: đưa ra định mức sử dụng, chi phí sử dụng phù hợp, tìm kiếm các loại năng lượng sạch, thân thiện với môi trường nhằm giảm thiểu việc sử dụng các loại năng lượng này.

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/ Water consumption (water consumption of business activities in the year)

Công ty sử dụng nước để phục vụ cho việc vệ sinh kho bãi, sinh hoạt tại văn phòng, do đó chi phí phát sinh từ việc sử dụng tài nguyên này là không đáng kể.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/ Compliance with the law on environmental protection:

Công tác bảo vệ môi trường được Cảng Cần Thơ thực hiện rất nghiêm chỉnh. Trong năm 2021, Công ty không có trường hợp nào vi phạm về pháp luật bảo vệ môi trường

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động/ Policies related to employees

Chính sách thu hút, đãi ngộ nhân sự:

Với nhận thức chất lượng nguồn nhân lực sẽ quyết định quan trọng đến sự thành công của doanh nghiệp, Cảng Cần Thơ thực hiện bố trí các nhân sự có năng lực, kinh nghiệm để bổ nhiệm vào các vị trí lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp. Năm 2021 tiếp tục là một năm Cảng Cần Thơ đẩy mạnh việc xây dựng, tổ chức và triển khai nhiều khóa học đào tạo từ cấp quản lý cấp cao đến các chuyên viên, nhân viên nhằm hoàn thiện, bổ sung các kiến thức, kỹ năng cho người lao động phát huy hơn nữa năng lực, kinh nghiệm của mình và phát triển bản thân.

Đối với các nhân sự có đủ năng lực, kinh nghiệm quản lý, Cảng Cần Thơ sẽ bố trí vào các vị trí quản lý để đóng góp được nhiều hơn vào sự phát triển của Công ty kèm theo chế độ lương, phúc lợi.

Trong năm 2021 Cảng Cần Thơ đã tổ chức 17 khóa đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ với 208 lượt quản lý, chuyên viên, nhân viên tham dự đào tạo.

Chính sách phúc lợi:

Cảng Cần Thơ thực hiện đầy đủ các chế độ cho người lao động theo đúng các quy định pháp luật về lao động hiện hành như BHXH, BHYT, BHTN, phép năm, ốm đau, thai sản... các chế độ như trang phục lao động cho công nhân cơ giới, đồng phục văn phòng, chế độ tiền ăn giữa ca, phụ cấp độc hại, phụ cấp ca 3... đều được Cảng Cần Thơ thực hiện đầy đủ.

Năm 2021, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, Chính phủ đã thực hiện nhiều chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động. Cụ thể, theo Nghị Quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19; và Nghị Quyết số 116/NQ-CP ngày 24/9/2021 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 từ Quỹ bảo hiểm thất nghiệp, với tổng số tiền hỗ trợ cho người lao động từ 02 Nghị quyết đã nêu lần lượt là: 29.384.269 đồng và 468.250.000 đồng.

Trong thời gian thực hiện phương án sản xuất 3 tại chỗ nhằm hạn chế việc suy giảm hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo thu nhập, đời sống của người lao động, Cảng Cần Thơ đã tổ chức test nhanh xét nghiệm virus SARS-Co2 định kỳ cho người lao động và bố trí sắp xếp nơi ăn nghỉ và cung cấp các suất ăn cho người lao động để yên tâm làm việc.

Công ty luôn quan tâm đến đời sống CBCNV, đảm bảo thu nhập của người lao động luôn được cải thiện, đồng thời chú trọng công tác nâng cao đời sống tinh thần, tổ chức họp mặt nhân dịp các ngày lễ, tết.. tạo cho CBCNV yên tâm và gắn bó vì sự phát triển của Công ty.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ Report on responsibility for local community.

Ngoài mục tiêu chủ yếu là lợi nhuận của Công ty, Cảng Cần Thơ thường xuyên duy trì các hoạt động vì cộng đồng nhằm chia sẻ một phần lợi nhuận của Công ty cho sự phát triển của xã hội bằng các hoạt động thiết thực như: quyên góp quỹ hỗ trợ, thăm hỏi và trao quà cho các gia đình gặp hoàn cảnh khó khăn trong địa bàn hoạt động của Công ty,...

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/ Green capital market activities under the guidance of the SSC.

Hiện tại, Công ty không có các dự án phát triển thị trường vốn xanh, tài trợ cho các dự án năng lượng tái tạo. Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động Cảng Cần Thơ sẽ chú trọng đến công tác sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, hạn chế tối đa việc gây ô nhiễm cho môi trường trong quá trình hoạt động. Đồng thời, Cảng Cần Thơ sẽ tham gia tích cực các hoạt động tuyên truyền, khuyến khích sử dụng năng lượng tái tạo, tài trợ các dự án nghiên cứu phát triển năng lượng xanh theo chính sách chung của đất nước.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ Report and assessment of the Board of Management

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/ Assessment of operating results:

Qua một năm nỗ lực phấn đấu của Ban lãnh đạo Công ty cùng với sự đóng góp của tập thể CBCNV, người lao động đã giúp Cảng Cần Thơ vượt qua những khó khăn, thách thức: vừa tập trung phòng chống dịch COVID-19, bảo đảm ổn định sản xuất kinh doanh. Tuy thành quả đạt được còn khá khiêm tốn, chỉ mới đạt ở mức tăng trưởng nhẹ so với thực hiện năm trước, nhưng điều quan trọng hơn là Công ty đã xác định được hướng đi đúng và những giải pháp phù hợp để nhanh chóng điều chỉnh hoạt động của công ty, phù hợp với những biến động bất thường của thị trường cũng như điều kiện hoạt động của doanh nghiệp. Từ đó, tạo nền tảng vững chắc cho việc chuẩn bị các nguồn lực để thực hiện và hoàn thành các mục tiêu kế hoạch SXKD năm 2022 và những năm tiếp theo.

Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ qua nhiều năm hình thành và phát triển đã tạo dựng được tên tuổi trong ngành khai thác cảng, các khách hàng truyền thống của Công ty bao gồm nhiều loại hình doanh nghiệp đa dạng trong nước và nước ngoài, là đơn vị uy tín hàng đầu trong việc xếp dỡ các hàng thiết bị siêu trường, siêu trọng tại Đồng bằng sông Cửu Long, đơn cử như: dự án cầu Cần Thơ, dự án cầu Vàm Cống, dự án nhà máy điện gió Bạc Liêu, dự án điện gió Vĩnh Châu - Sóc Trăng, dự án nhà máy khí điện đạm Cà Mau, dự án nhà máy Nhiệt điện Ô Môn,...

Trong năm 2021, sản lượng hàng hóa thông qua Cảng Cần Thơ suy giảm giảm 8,73% so với năm 2020 do ảnh hưởng mạnh bởi tác động của dịch COVID-19 vào 6 tháng cuối năm 2021, nhất là giai đoạn Quý III/2021 19 tỉnh miền Nam phải thực hiện giãn cách xã hội làm hàng loạt doanh nghiệp phải đình trệ sản xuất và phục hồi khá chậm trong Quý IV/2021 do thiếu nguồn nhân lực. Dẫn đến nguồn hàng về cảng đã khá hạn chế nay lại tiếp tục suy giảm do dịch bệnh dẫn đến áp lực cạnh tranh ngày càng tăng cao, nhất là các khu vực có sự cạnh tranh quyết liệt với đối thủ như Vàm Cái Sắn, Cảng Hoàng Diệu.

Về tình hình doanh thu:

Nhiều hạng mục doanh thu có tăng trưởng so với cùng kỳ, riêng doanh thu xếp dỡ, tàu lai và cho thuê hạ tầng suy giảm nhẹ. Các nguyên nhân tăng/ giảm doanh thu như sau:

Doanh thu xếp dỡ suy giảm chủ yếu là do sản lượng hàng hóa thông qua cảng suy giảm như đã nêu trên. Sản lượng các mặt hàng chủ lực tạo doanh thu cao như container, thiết bị, phân bón đều có tăng trưởng tuy nhiên chưa bù đắp được sản lượng suy giảm mạnh của các mặt hàng khác, nhất là mặt hàng có thêm doanh thu từ hoạt động lưu chuyển hàng hóa qua kho, bãi tại cảng như than đá, sắt thép phế liệu, bách hóa và thức ăn gia súc.

Doanh thu tàu lai suy giảm do suy giảm lượt tàu thông qua cảng (giảm 6,55%) so với cùng kỳ năm 2020;

Doanh thu cho thuê cơ hạ tầng suy giảm nhẹ: Do khách hàng gặp khó khăn, trả lại văn phòng làm việc tại khu vực bến Cảng Hoàng Diệu.

Về các chỉ tiêu doanh thu khác như cho thuê kho, bãi, dịch vụ hàng hải và các dịch vụ khác đều tăng trưởng do:

+ Doanh thu kho, bãi tăng: Trong kỳ Cảng Cần Thơ cơ bản khai thác tốt hạ tầng kho, bãi của đơn vị. Trong kỳ cảng gặp khó khăn do khách hàng trả liên tục trả kho tại Cảng Cái Cui do gặp khó khăn đầu ra, tuy nhiên Cảng Cần Thơ đã nỗ lực tìm kiếm khách hàng thuê kho, bãi; ngoài ra, cảng cũng đã tiếp thị được 01 lô hàng 07 trụ điện gió tại bến Cảng Cái Cui để bù đắp thiếu hụt doanh thu. Hoạt động lưu trữ hàng hóa phân bón theo ngày tại cảng có sự tăng trưởng vượt bậc giúp tăng trưởng doanh thu này.

+ Cảng đã chủ động thực hiện được nhiều chuỗi dịch vụ logistics door – to – door đến khách hàng dẫn đến doanh thu từ dịch vụ logistics cũng có sự tăng trưởng tốt.

+ Ngoài ra, trong kỳ sản lượng dịch vụ gom vét than tại Trung tâm Nhiệt điện Duyên Hải cũng tăng trưởng vượt trội góp phần tăng nguồn thu và khai thác hiệu quả các phương tiện đã được đầu tư.

Về chỉ tiêu lợi nhuận:

Cùng với các giải pháp tăng trưởng doanh thu, tập trung vào các nhóm hàng có doanh thu và lợi nhuận biên lớn; đồng thời thực hiện tốt công tác kiểm soát chi phí, công nợ. Cảng Cần Thơ đã đạt được vượt chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 đề ra.

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	T.hiện 2020	NĂM 2021			+/- TH 2021/2020	
				K.H	T.H	% H.T	Giá trị	Tỷ lệ
A	SẢN LƯỢNG							
1	Hàng thông qua	TTQ	1.787.667	2.100.000	1.631.600	77,70%	-156.067	-8,73%

	Trong đó Container	TEUS	17.121	11.400	13.604	119,33%	-3.517	-20,54%
2	Xăng dầu	Lít	1.126.995	1.100.000	731.157	66,47%	-395.838	-35,12%
B	TÀI CHÍNH							
1	Doanh thu	Tr đồng	114.470	118.000	123.044	104,27%	8.574	7,49%
2	Chi phí	“	113.117	115.500	120.403	104,25%	7.286	6,44%
3	Lợi nhuận	“	1.353	2.500	2.641	105,64%	1.288	95,20%
4	Ebitda	“	17.223	23.128	20.136	87,06%	2.913	16,91%
C	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	Tr đồng	2.450	23.050	6.600	28,63%	4.150	169,39%
1	Đầu tư cơ sở hạ tầng	“	0	7.000	6.600	94,29%	6.600	0,00%
2	Đầu tư phương tiện, thiết bị	“	2.450	16.050	0	0,00%	-2.450	-100,00%

2. Tình hình tài chính/ Financial Situation

2.1. Tình hình tài sản/ Assets

Khoản mục	Mã số	Năm 2020	Năm 2021
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	68.517.892.302	77.935.617.537
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	12.510.512.474	27.840.121.984
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	8.787.350.000	10.537.350.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	43.316.885.978	37.979.507.435
IV. Hàng tồn kho	140	1.143.448.892	990.046.293
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	2.759.694.958	588.591.825
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200	294.603.768.641	287.137.772.896
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	72.000.000	75.000.000
II. Tài sản cố định	210	211.621.739.770	204.498.423.799
III. Bất động sản đầu tư		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	74.252.722.837	74.511.730.106
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.497.251.573	4.497.251.573
VI. Tài sản dài hạn khác	260	4.160.054.461	3.555.367.418
TÀI SẢN	270	363.121.660.943	365.073.390.433

2.2. Tình hình nợ phải trả/ Liabilities

C - NỢ PHẢI TRẢ	300	101.128.908.001	100.439.608.981
I. Nợ ngắn hạn	310	20.254.096.374	26.190.760.351
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	1.006.124.555	3.798.414.550
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	282.186.006	131.050.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	161.187.716	740.169.951
4. Phải trả người lao động	314	1.092.631.540	1.155.179.501
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	1.853.511.256	4.511.816.378
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	105.840.000	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	6.344.130.878	6.445.645.548
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	9.400.000.000	9.400.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	8.484.423	8.484.423
13. Quỹ bình ổn giá	323	-	-
12. Giao dịch mua bán lại Trái phiếu Chính phủ	324	-	-
II. Nợ dài hạn	330	80.874.811.627	74.248.848.630
7. Phải trả dài hạn khác	337	24.457.490.099	27.231.527.102
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	56.417.321.528	47.017.321.528
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	261.992.752.942	264.633.781.452
I. Vốn chủ sở hữu	410	261.992.752.942	264.633.781.452
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	275.281.179.597	275.281.179.597
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	275.281.179.597	275.281.179.597
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	646.231.180	646.231.180
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(13.934.657.835)	(11.293.629.325)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	(15.287.846.169)	(13.934.657.835)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	1.353.188.334	2.641.028.510
NGUỒN VỐN		363.121.660.943	365.073.390.433

3. Những cải tiến trong năm 2021

- Tiếp tục cải tiến quy trình phê duyệt lệnh trong Phần mềm quản lý khai thác cảng, phương tiện xếp dỡ vận chuyển và kết nối giám sát hải quan điện tử (PL-COS và PL-PMS) nhằm kiểm soát chặt chẽ quy trình khai thác cảng.

- Triển khai Quy trình làm hàng không tiếp xúc tại cảng cùng với hệ thống khai báo y tế trên website kbyt.canthoport.com.vn của Công ty nhằm thực hiện hiệu quả công tác phòng chống dịch tại các bến cảng trực thuộc Công ty.

- Triển khai ứng dụng mã QR-code trong văn bản phát hành của công ty để thuận tiện trong việc truy tìm dữ liệu;

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/ Development plans in the future

Căn cứ tốc độ phát triển của thị trường nội địa và năng lực sản xuất của Công ty cũng như dự báo về diễn biến sắp tới của nền kinh tế trong và ngoài nước, Ban điều hành xây dựng các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh trong năm 2022 như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2021	Năm 2022	So sánh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(5)/(4)
1	Sản lượng	Tấn	1.631.600	2.200.000	134,84%
	<i>Trong đó, sản lượng container</i>	<i>Teus</i>	13.604	14.000	102,91%
2	Doanh thu	Triệu đồng	123.044	134.000	108,90%
3	Chi phí	Triệu đồng	120.403	128.000	106,31%
4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	2.641	6.000	227,19%
5	Tỷ suất LNST/VCSH	%	1,00	2,87	287,71%
6	Ebitda	Triệu đồng	20.136	24.270	120,53%

Với những mục tiêu được đặt ra trong năm 2022, để tiếp tục nâng cao hiệu hoạt động sản xuất kinh doanh, Cảng Cần Thơ thực hiện một số giải pháp cơ bản trong tổng thể nhiều giải pháp để phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh như sau:

a.- Giải pháp về thị trường và sản xuất kinh doanh

- Khai thác tốt nhất tài sản: hệ thống kho, bãi, văn phòng của doanh nghiệp để tạo nguồn doanh thu ổn định cho đơn vị. Tiếp tục triển khai chính sách hợp tác với Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam và các đối tác để đầu tư kho, bãi. Xây dựng phương án khai thác dài hạn các phần đất tại vị trí thuận lợi, có giá trị thương mại cao như phần đất mặt tiền Cảng Hoàng Diệu nhằm mang lại nguồn doanh thu lớn hơn cho doanh nghiệp.

- Khai thác hiệu quả các phương tiện xếp dỡ tại đơn vị, đồng thời thực hiện tốt công tác điều chuyển phương tiện thiết bị giữa các chi nhánh, bến cảng nhằm khai thác tối ưu năng lực phương tiện thiết bị, đồng thời tiết giảm chi phí thuê ngoài phương tiện.

- Thực hiện tốt công tác chăm sóc khách hàng, nhất là các khách hàng thuê kho, bãi tại cảng để phát huy thương hiệu trung tâm phân phối các mặt hàng phân bón, thức ăn gia súc tại Cảng Hoàng Diệu và xỉ sắt, phân bón, than đá, phế liệu tại Cảng Cái Cui; đẩy mạnh tiếp thị,

thu hút mặt hàng phân bón về Cảng Sóc Trăng để hình thành trung tâm phân phối của tỉnh. Đồng thời, tìm kiếm cơ hội tiếp thị khách hàng cung cấp các dịch vụ mới tại các bến cảng như: Dịch vụ đóng bao hàng rời, dịch vụ nhận uỷ thác giao nhận hàng hóa gửi kho cảng.

- Tập trung tiếp thị để thu hút mặt hàng thiết bị điện gió về lưu trữ tại cảng trước khi chuyển đến công trình để lắp đặt;

- Phát triển tốt dịch vụ depot container cho hãng tàu VIETSUN và làm việc thêm với các hãng tàu nội địa và nước ngoài để được cấp mã depot thông qua cảng, nhất là container lạnh phục vụ vận hành Trung tâm Chiếu xạ Cần Thơ và phát huy chuỗi dịch vụ container thông qua cảng.

- Đẩy mạnh công tác thị trường, công tác tiếp thị của cảng kết hợp với các hãng tàu, forwarder để phát huy tối ưu lợi thế của việc hợp tác theo chuỗi để tiếp cận khách hàng; quan tâm mở rộng thị trường dịch vụ tại các địa bàn Duyên Hải Trà Vinh, Sóc Trăng và tại các khu vực khác trong vùng.

- Tích cực tiếp thị, củng cố năng lực của đơn vị để tham gia đấu thầu hoặc cung cấp dịch vụ tại các nhà máy, công trình lớn trong khu vực ĐBSCL và cả nước.

b. Tiếp tục đẩy mạnh hợp tác với các đơn vị thành viên Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam để phát triển các dịch vụ chuỗi logistics đối với các mặt hàng phân bón, container, than đá; nghiên cứu phát triển tuyến sà lán container kết nối Cảng Cần Thơ với Cảng Sài Gòn và Cái Mép Vũng Tàu.

c.- Giải pháp về chính sách khách hàng

- Đưa phần mềm Quản lý quan hệ khách hàng (CRM) vào vận hành nhằm kiện toàn công tác chăm sóc khách hàng, đánh giá, xây dựng chính sách khách hàng phù hợp với từng khách hàng, nhóm khách hàng liên quan đến từng nhóm hàng chiến lược của cảng; đồng thời, đẩy mạnh công tác chăm sóc khách hàng phù hợp với từng khách hàng và nhóm khách hàng, đẩy nhanh giải quyết kiến nghị của khách hàng;

- Đẩy mạnh công tác lắng nghe, lấy ý kiến khách hàng để kịp thời điều chỉnh dịch vụ phù hợp với nhu cầu khách hàng. Ứng dụng việc quảng bá tiếp thị và ghi nhận ý kiến phản hồi khách hàng trên các nền tảng mạng xã hội như Facebook, Zalo để tiếp nhận phản hồi khách hàng nhanh hơn, phù hợp với thị hiếu của khách hàng.

- Đẩy nhanh việc rà soát các quy trình, quy định nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho khách hàng đến làm việc tại cảng; cũng như tạo thuận lợi cho các bộ phận/ đơn vị trong cảng để vận hành bộ máy nhanh, gọn qua đó hướng đến việc xây dựng văn hóa lấy khách hàng làm trung tâm của Công ty.

Cung cấp những giá trị mới đến khách hàng thông qua việc hỗ trợ khách hàng truy cập các thông tin cần thiết khi làm việc với cảng như quy trình làm hàng, biểu cước, lịch tàu ra vào cảng, năng lực xếp dỡ từng loại hàng, đầu mối liên hệ lên website của Cảng Cần Thơ.

d.- Giải pháp về quản trị và đổi mới doanh nghiệp

- Tiếp tục hoàn thiện, ban hành các Quy chế, quy định, quy trình hoạt động của Công ty. Tiến tới đưa vào áp dụng phần mềm quản lý công việc, quản lý nguồn nhân lực và tiền lương tại doanh nghiệp để tăng cường hiệu quả giải quyết công việc.

- Đẩy mạnh việc triển khai các giải pháp để xây dựng văn hóa “Lấy khách hàng làm trung tâm” tại Cảng Cần Thơ và các đơn vị trực thuộc.

- Tăng cường kỷ luật lao động, thực hiện nghiêm bộ tiêu chí ứng xử văn hóa doanh nghiệp của Cảng Cần Thơ; giữ vững tinh thần đoàn kết tập thể. Luôn quan tâm chăm lo đời sống và cải thiện môi trường, điều kiện làm việc của người lao động. Có chính sách lương, thưởng phù hợp để kích thích người lao động tham gia cống hiến cho Công ty.

- Triển khai áp dụng hệ thống lương 3P’s; đồng thời tiếp tục rà soát, đào tạo bổ sung cho các nhân sự để đáp ứng yêu cầu công việc tại vị trí được bổ nhiệm.

e.- Giải pháp về tài chính và đầu tư

- Theo dõi chặt chẽ tình hình công nợ, kiểm soát, phân tích tình hình công nợ đưa ra các đánh giá khả năng rủi ro, đề ra các giải pháp thu hồi, đôn đốc và chỉ đạo các thành viên thu hồi công nợ hiệu quả nhằm hạn chế rủi ro. Bảo toàn và phát triển hiệu quả nguồn vốn;

- Chú trọng các chính sách về tiết kiệm chi phí sản xuất, chi phí quản lý để hạ giá thành dịch vụ, tăng hiệu quả kinh doanh;

- Tiếp tục tiếp thị, mời gọi các đối tác, khách hàng tham gia hợp tác đầu tư kho, bãi tại bến Cảng Hoàng Diệu và Cảng Cái Cui để tạo chân hàng ổn định sau cảng; nhất là theo dõi sát để hợp tác đầu tư mở rộng tại phần đất dự trữ mở rộng Cảng Cái Cui nằm trong phần diện tích quy hoạch Trung tâm logistics cấp II 242,4ha của Thành phố Cần Thơ.

- Chọn lọc các hạng mục ưu tiên đầu tư để đầu tư từ nguồn vốn còn lại của doanh nghiệp theo nguyên tắc các hạng mục đầu tư bảo đảm hiệu quả và đưa vào khai thác tạo được nguồn thu sớm nhất, dần thay thế các trang thiết bị cũ, góp phần quan trọng vào việc tiết giảm chi phí thuê ngoài, chi phí bảo dưỡng sửa chữa.

- Xem công tác kiểm tra bảo dưỡng phương tiện thường xuyên trước, trong và sau khi làm hàng, và vận hành phương tiện đảm bảo yếu tố kỹ thuật là công việc trọng tâm hàng ngày; công tác chăm sóc bảo dưỡng sửa chữa định kỳ để phương tiện luôn vận hành hiệu quả và sẵn sàng phục vụ là công việc tiên quyết trong công tác kỹ thuật của Công ty.

f.- Giải pháp về nguồn nhân lực

- Tiếp tục rà soát tinh giảm bộ máy đến mức hợp lý nhất có thể thông qua việc áp dụng các phần mềm quản lý và công nghệ thông tin; đồng thời, rà soát các quy trình công việc để bỏ các công đoạn không cần thiết, mang lại giá trị thấp. Nâng cao hiệu quả công tác quản trị nhân sự, thực hiện tốt việc bố trí, sắp xếp, điều chuyển lao động theo nhu cầu sử dụng và năng lực lao động nhằm kích thích tăng trưởng về năng suất lao động.

- Chính sách đãi ngộ: Đảm bảo công ăn việc làm ổn định, quan tâm cải thiện mức thu nhập, thù lao của người lao động nhằm ổn định đời sống vật chất và tinh thần cho các CBCNV, đảm bảo tính nguyên tắc công bằng, công khai, minh bạch trong cơ chế lương, thưởng, nâng lương, nâng bậc gắn chặt mức thu nhập với hiệu quả và chất lượng làm việc.

- Tiếp tục tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ của các phòng chuyên môn; trong đó, chú trọng đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ nhất là bộ phận kinh doanh, khai thác và chăm sóc khách hàng; đồng thời, quan tâm đào tạo, tập huấn nghiệp vụ nội bộ đối với lực lượng lao động gián tiếp và lực lượng lao động trực tiếp sản xuất để nâng cao hiệu quả công việc, tạo thuận lợi cho đơn vị trong việc luân chuyển lao động giữa các chi nhánh và giữa các khối lao động.

g.- Giải pháp về Công nghệ - Kỹ thuật

- Tiếp tục hoàn thiện, nâng cấp phần mềm khai thác cảng, hướng đến việc vận hành trên nền tảng web; Triển khai hệ thống quản lý hàng container tại cảng TOS; kết nối, đẩy tự động dữ liệu thông tin hàng hóa thuộc diện giám sát hải quan từ phần mềm khai thác cảng qua hệ thống giám sát hải quan điện tử của Tổng cục Hải quan. Khai thác kết nối giữa hệ thống phần mềm khai thác cảng với Phần mềm hệ thống quản lý thông tin và báo cáo thông minh (MIS-BI) của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam.

- Triển khai nâng cấp hạ tầng phục vụ hệ thống công nghệ thông tin của Công ty như nâng cấp server, trang bị thêm hệ thống camera giám sát toàn cảng, nâng cấp hệ thống mạng, triển khai hệ thống handheld;

- Triển khai phần mềm CRM, nâng cấp phần mềm văn phòng điện tử và phần mềm quản lý nguồn nhân lực để đẩy nhanh hiệu quả giải quyết công việc của nhân viên, đáp ứng kịp thời giải quyết các kiến nghị của khách hàng.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - Không.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/ Assessment Report related to environmental and social responsibility of company

6.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/ Review concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions...).

- Trong năm 2021, vào những tháng mưa cao điểm và thủy triều cao, để đảm bảo các hệ thống thoát nước, cống rãnh, kho bãi không bị ngập, ú đọng gây ô nhiễm môi trường, đơn vị đã thực hiện công tác quản lý vệ sinh môi trường được triển khai như: thường xuyên kiểm tra và thực hiện việc nạo vét hố ga, khơi thông đường cống rãnh, hệ thống thoát nước bên trong và khu vực xung quanh Cảng, các công trình phụ của nhà văn phòng làm việc. Ngoài ra còn thuê lao động công nhật thường xuyên quét, dọn vệ sinh đảm bảo giữ vệ sinh cho cầu cảng, đường nội bộ và quy định các bộ phận tự giữ gìn vệ sinh cho phòng, ban của mình.

Hướng dẫn cán bộ chuyên trách ATLĐ, mạng lưới ATVSV, trưởng kho đảm bảo vệ sinh kho, bãi, hiện trường sản xuất.

- Giảm thiểu tiêu hao nguyên vật liệu, nhiên liệu gây hại cho môi trường. Bên cạnh đó, Công ty luôn tuân thủ quy định pháp luật về môi trường, về an toàn – phòng tránh cháy nổ nhằm đảm bảo hạn chế những thiệt hại về người và tài sản trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Kiểm tra việc giữ gìn môi trường làm việc trong phạm vi Cảng; sắp xếp phòng làm việc gọn gàng, sạch sẽ, khoa học, thông thoáng, văn minh, hiện đại; phát quang cây cối làm cỏ sạch sẽ, trồng thêm cây xanh cải thiện mỹ quan môi trường làm việc và hoạt động khác nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho CNVCLĐ trong đơn vị.

6.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/ Review concerning the problems of workers

- Năm 2021, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, Chính phủ đã thực hiện nhiều chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động. Cụ thể, theo Nghị Quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19; và Nghị Quyết số 116/NQ-CP ngày 24/9/2021 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 từ Quỹ bảo hiểm thất nghiệp, với tổng số tiền hỗ trợ cho người lao động từ 02 Nghị quyết đã nêu lần lượt là: 29.384.269 đồng và 468.250.000 đồng.

- Thực hiện các quy định về an toàn lao động, quy trình xếp dỡ, đảm bảo trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, tạo điều kiện làm việc hợp lý và hiệu quả cho người lao động. Tăng cường công tác tuyên truyền, huấn luyện về công tác ATLĐ, PCCC... nâng cao nhận thức cho người lao động để người lao động có ý thức tự bảo vệ cho mình, phòng tránh tai nạn lao động. Đồng thời cử nhân viên ATVSLĐ bám sát hiện trường sản xuất, tuyên truyền vận động nhắc nhở CNVCLĐ thực hiện tốt các biện pháp an toàn lao động, quyết tâm không để xảy ra tai nạn lao động, quan tâm cải thiện điều kiện làm việc, vệ sinh môi trường, vệ sinh công nghiệp.

- Bố trí và sử dụng lao động theo đúng quy định của pháp luật, toàn bộ lao động được ký hợp đồng lao động, đảm bảo các chế độ, quyền lợi theo quy định pháp luật hiện hành như: BHXH, BHYT, BHTN. Người lao động được hưởng các chế độ liên quan về bảo hiểm như: phép năm, ốm đau, thai sản, tử tuất... đều được doanh nghiệp thực hiện đầy đủ.

- Công ty luôn quan tâm đến đời sống CBCNV, đảm bảo thu nhập của người lao động luôn được cải thiện, đồng thời chú trọng công tác nâng cao đời sống tinh thần, tổ chức họp mặt nhân dịp các ngày lễ tết.. tạo cho CBCNV yên tâm và gắn bó vì sự phát triển của Công ty.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/Assessments of the Board of Management on the Company's operation (for joint stock companies)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2021 THỰC HIỆN:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021
1	Tổng tài sản	Đồng	365.073.390.433
2	Nợ phải trả	Đồng	100.439.608.981
3	Vốn chủ sở hữu	Đồng	264.633.781.452
4	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	0,72%
5	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	1,00%
6	Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,379

- Để có được kết quả hoạt động trên, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phải định hướng chiến lược rõ ràng đối với kế hoạch hoạt động trong năm và không ngừng triển khai các phương án theo dõi quản trị, cũng như kiểm soát chặt chẽ các yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến quá trình hoạt động tại cảng. Qua đó, các công tác về quản lý kỹ thuật, quản lý nhân công, đầu tư, mua sắm máy móc thiết bị,... đều được thực hiện nhất quán, có hệ thống đạt hiệu quả cao góp phần giúp công ty hoàn tất kế hoạch sản xuất năm đã được định hướng.

- Năm qua, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty có nhiều điểm sáng rất tích cực. Chỉ tiêu doanh thu và cả lợi nhuận tuy không đạt như kỳ vọng đặt ra nhưng đã thể hiện hết sự nỗ lực, đoàn kết phấn đấu của tập thể Ban điều hành và toàn thể người lao động trong mọi hoạt động của doanh nghiệp, đã đạt lợi nhuận lãi 1.353 tr.đồng. Theo đó, ROA và ROE lần lượt là 0,4% và 0,5%. Có thể thấy được, Công ty đang hoạt động hiệu quả, sử dụng tài sản và nguồn vốn tối ưu để đạt được những kết quả thành công trong năm.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/Assessment of Board of Directors on Board of Management's performance

- Trước những khó khăn và thách thức về mọi mặt hoạt động vừa phòng chống dịch vừa đảm bảo sản xuất kinh doanh không bị đứt gãy, Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ trong năm 2021 đã vô cùng nỗ lực để hoàn thành mục tiêu giảm lỗ, nâng cao năng lực và trách nhiệm trong hoạt động sản xuất – kinh doanh. Tại các cuộc họp giao ban, Ban giám đốc Công ty Cảng Cần Thơ đã mời các Thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách phụ trách các chi nhánh cùng tham dự để kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh tại các chi

nhánh, cùng nhau thảo luận để đưa ra các phương án xử lý những tình huống khó khăn, bất lợi của doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho các chi nhánh hoạt động ổn định.

- Ban Tổng giám đốc đã thực hiện các quy chế tuyển dụng, đào tạo nhân lực, tham gia các chương trình đào tạo để bồi dưỡng kiến thức cho tập thể lãnh đạo, nhân viên nhằm nâng cao năng lực quản lý, điều hành và sản xuất kinh doanh. Điều chuyển, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhân viên để lựa chọn nhân sự phù hợp cho từng vị trí, phát huy tối các vị trí, kịp thời hỗ trợ, khắc phục những vị trí chưa đạt hiệu quả tốt. Thực hiện tuyển dụng vị trí lãnh đạo để tìm kiếm nguồn nhân lực cho sự phát triển của Công ty theo đúng các chỉ đạo của Hội đồng quản trị.

- Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 của Cảng Cần Thơ do ảnh hưởng của dịch cúm covid.19 phải thực hiện giãn cách xã hội nên chỉ tiêu sản lượng tuy chưa đạt được kế hoạch đã đề ra nhưng vẫn đảm bảo hoàn thành vượt kế hoạch lợi nhuận và doanh thu. Với mục tiêu lấy khách hàng làm trọng tâm, Cảng Cần Thơ tập trung vào các mặt hàng có sản lượng lớn, Tập trung tìm các giải pháp mở rộng thị trường, phát triển sản xuất kinh doanh trước tình hình cạnh tranh của các đơn vị cảng biển ngày càng gay gắt. Tìm kiếm và ký hợp đồng với các khách hàng mới nhằm bù đắp các mặt hàng bị giảm sản lượng, các chính sách đẩy mạnh công tác marketing, xây dựng và phát triển bộ phận chăm sóc khách hàng đã giúp công ty có những bước phát triển phát triển thị trường khu vực Sóc Trăng – Duyên Hải và An Giang. Tăng cường quản trị nội bộ, thực hành tiết kiệm, giảm chi phí mọi mặt. Xây dựng tốt đời sống văn hóa tinh thần. Đảm bảo đời sống, thu nhập cho người lao động

- Trong năm 2021, công tác đầu tư mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị cũng được Ban giám đốc Công ty quan tâm kịp thời cung cấp thiết bị phục vụ cho nhu cầu ngày càng cao của khách hàng. Bên cạnh đó, Cảng Cần Thơ luôn quan tâm đến các chính sách nhân sự nhằm thu hút người lao động có trình độ chuyên môn cao, chế độ khen thưởng kịp thời để giữ chân người lao động, các khoản lương, thưởng, phụ cấp trong năm được đảm bảo đầy đủ, công tác hoạch định nguồn nhân lực đào tạo nâng cao trình độ, chuyên môn cho cán bộ công nhân viên được thực hiện nhằm đem lại hiệu quả cao trong công việc.

- Tổng kết năm 2021, kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của Cảng Cần Thơ đã hoàn thành vượt các chỉ tiêu lợi nhuận và doanh thu, mức lợi nhuận đã tăng trở lại, các mục tiêu được hoàn thành theo đúng định hướng đặt ra, Ban giám đốc Công ty đã đưa ra các chính sách quản trị kịp thời, hỗ trợ và tháo gỡ nhanh chóng các vấn đề tồn đọng. Đây chính là những động lực để Cảng Cần Thơ có những điều kiện thuận lợi phát triển trong những năm tiếp theo.

- Trong năm qua, Ban điều hành Công ty đã tập trung và phát huy mọi nguồn lực để hoạt động theo đúng định hướng, mục tiêu và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2021 đề ra. Ban điều hành Công ty Công ty luôn quan tâm đến công tác quản trị nội bộ, công tác đối ngoại, giám sát tình hình thực hiện và chỉ đạo kịp thời từng trường hợp, từng thời điểm, báo cáo, đưa ra các đề xuất quản trị quan trọng để Hội đồng quản trị xem xét và đưa ra những giải pháp nhằm hạn chế tối đa những bất lợi ảnh hưởng tình hình sản xuất kinh doanh của Công

ty. Đánh giá hoạt động trong năm 2021, Ban Tổng giám đốc đã hoàn thành tốt các mục tiêu chiến lược mà Hội đồng quản trị đã đặt ra, hoàn thành mục tiêu kép vừa phòng chống dịch vừa sản xuất kinh doanh.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/ Plans, orientations of the Board of Directors

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM 2022

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2022
1	Sản lượng	TTQ	2.200.000
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	134.000
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	6.000
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	6.000

CÁC BIỆN PHÁP HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH

1. Tiếp tục triển khai các nội dung của "Tuyên bố hành động Đại Lải", đẩy mạnh văn hóa “Lấy khách hàng làm trung tâm” trên cơ sở “05 tôn chỉ, 06 bước hành động”; đẩy mạnh công tác thị trường, duy trì khách hàng hiện hữu, phát triển thêm khách hàng mới; tiếp tục hoàn thiện các quy trình, nâng cao chất lượng dịch vụ và trải nghiệm khách hàng.

2. Tập trung phát triển, mở rộng các dịch vụ ngoài bốc xếp, các dịch vụ phụ trợ. Phối hợp với các đơn vị trong Tổng công ty để xây dựng, triển khai các dịch vụ chuỗi trên cơ sở tận dụng hệ sinh thái cảng biển, vận tải biển, dịch vụ hàng hải nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, tối đa hóa hiệu quả cho các đơn vị.

3. Rà soát tổng thể các nguồn lực, cơ sở hạ tầng, cơ sở đất đai để xây dựng phương án khai thác tối ưu.

4. Xây dựng phương án sắp xếp, cơ cấu tổng thể bộ máy tổ chức, xây dựng các quy trình, quy chế quản trị thống nhất theo hướng tinh gọn, hiện đại và hiệu quả; giảm đầu mối, tăng trách nhiệm người đứng đầu các bộ phận; đẩy mạnh việc huấn luyện, đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chú trọng đến chế độ đãi ngộ để tạo động lực cho người lao động.

5. Các nhiệm vụ trọng tâm

a. Về sản xuất kinh doanh

- Hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022.
- Xây dựng mục tiêu chiến lược phát triển ổn định, bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh.

- Phát triển dịch vụ, tăng trưởng doanh thu dịch vụ logistics (cho các mặt hàng container, gạo, sắt thép, thiết bị, than...).
- Khai thác hiệu quả: hệ thống kho, bãi, văn phòng và trang thiết bị xếp dỡ của doanh nghiệp.
- Đẩy mạnh công tác thị trường, công tác tiếp thị, xây dựng hệ thống thu thập, quản lý thông tin về khách hàng và các chuỗi logistics thông qua cảng và khu vực.
- Tăng cường kết nối, liên kết với các doanh nghiệp trong cùng hệ thống Tổng công ty Hàng hải Việt Nam phát triển tuyến sà lan container Sài Gòn- ĐBSCL.

b. Về quản trị

- Hoàn thiện, ban hành các Quy chế, quy định hoạt động của Công ty.
- Tăng cường kỷ luật lao động, thực hiện nghiêm bộ tiêu chí ứng xử văn hóa doanh nghiệp của Cảng Cần Thơ; giữ vững tinh thần đoàn kết tập thể. Luôn quan tâm chăm lo đời sống và cải thiện môi trường, điều kiện làm việc của người lao động. Có chính sách lương, thưởng phù hợp để kích thích người lao động tham gia cống hiến cho Công ty

c. Về tài chính và đầu tư

- Kiểm soát chặt chẽ tình hình công nợ, tránh để tình trạng nợ xấu, nợ khó đòi. Bảo toàn và phát triển hiệu quả nguồn vốn.
- Đề cao công tác tiết kiệm chi phí sản xuất, chi phí quản lý để hạ giá thành dịch vụ, tăng hiệu quả kinh doanh.
- Tăng vốn điều lệ.
- Tiếp tục kêu gọi các đối tác, khách hàng bằng nhiều hình thức để hoàn thiện cơ sở hạ tầng giai đoạn II và khu đất dự trữ mở rộng sau giai đoạn II.
- Tham gia đấu giá thuê phân diện tích đất dự phòng (2ha) của Cảng Sóc Trăng để tăng diện tích cho thuê kho, bãi.
- Đầu tư bảo đảm hiệu quả và đưa vào khai thác tạo được nguồn thu sớm nhất, dần thay thế các trang thiết bị cũ, góp phần quan trọng vào việc tiết giảm chi phí thuê ngoài, chi phí bảo dưỡng sửa chữa.

d. Về nguồn nhân lực

- Tinh giảm bộ máy đến mức hợp lý nhất có thể thông qua việc áp dụng các phần mềm quản lý và công nghệ thông tin.
- Có chính sách đãi ngộ tạo động lực cho người lao động.
- Đào tạo nâng cao nghiệp vụ cho cán bộ công nhân viên.

- Triển khai hiệu quả thực hiện BSC, KPI và lương 3P's tại doanh nghiệp để nâng cao hiệu quả đánh giá người lao động.

e. Về công nghệ thông tin

- Hoàn thiện, nâng cấp phần mềm khai thác cảng, hướng đến việc vận hành trên nền tảng Mobile App.

- Thực hiện chuyển đổi số: nâng cấp hệ thống TCKT, triển khai phần mềm TCNS tích hợp hệ thống TOS, triển khai áp dụng hệ thống VIMC-eOffice, triển khai phần mềm quản lý thông tin khách hàng.

- Xây dựng các CSDL về: khách hàng, dịch vụ, biểu giá, hàng hóa, nhà cung cấp, vật tư dụng cụ, lao động, cơ sở hạ tầng, quy trình thủ tục.

V. Quản trị công ty/Corporate governance

1. Hội đồng quản trị/ Board of Directors

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/Members and structure of the Board of Directors:

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu năm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
1	Lâm Tiến Dũng	Chủ tịch	6.282.100	22,06%
2	Nguyễn Văn Bá	Thành viên	5.414.400	19,01%
3	Nguyễn Văn Phương	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	5.696.000	20,00%
4	Phạm Bá Ngân	Thành viên	5.411.200	19,00%
5	Hoàng Việt	Thành viên	5.411.200	19,00%

Thay đổi HĐQT trong năm:

Số lượng thành viên, cơ cấu của Hội đồng quản trị Cảng Cần Thơ năm 2022

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu làm thành viên HĐQT
1	Lâm Tiến Dũng	Chủ tịch HĐQT	25/3/2015
2	Nguyễn Văn Phương	Thành viên HĐQT	28/4/2017

3	Nguyễn Văn Bá	Thành viên HĐQT	27/6/2020
4	Phạm Bá Ngân	Thành viên HĐQT	27/6/2020
5	Hoàng Việt	Thành viên HĐQT	27/6/2020

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/The committees of the Board of Director: Không.

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị/Activities of the Board of Directors:

1.3.1. Các cuộc họp của hội đồng quản trị

Stt	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Lâm Tiến Dũng	13	100%	
2	Ông Nguyễn Văn Bá	13	100%	
3	Ông Nguyễn Văn Phương	13	100%	
4	Ông Phạm Bá Ngân	13	100%	
5	Ông Hoàng Việt	13	100%	

- Trong năm 2021, Hội đồng quản trị Cảng Cần Thơ đã tiến hành tổ chức 13 cuộc họp, ban hành 12 Nghị quyết và 14 Quyết định. Thông qua nhiều nội dung quan trọng sau: Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021, thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh 2021 và trình ĐHCĐ; thông qua phương án chi tiết chi trả cổ tức năm 2021; lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty năm 2021 theo sự ủy quyền của HĐQT. Các chủ trương đầu tư mua sắm thiết bị, hoạch định nguồn nhân lực, điều động bổ nhiệm cán bộ kịp thời sau công tác tái cơ cấu nhằm mang lại hiệu quả cao cho doanh nghiệp.

- Các phiên họp của Hội đồng quản trị Cảng Cần Thơ trong năm 2021 được tổ chức theo đúng quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Cảng Cần Thơ và tuân theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Các thành viên HĐQT đã tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT và cho ý kiến đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT với tinh thần trách nhiệm cao, phát huy năng lực lãnh đạo của HĐQT vì lợi ích cổ đông và sự phát triển bền vững của Công ty.

Bên cạnh việc thực hiện và hoàn thành các nhiệm vụ chung đối với các hoạt động của HĐQT, các thành viên HĐQT đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao theo phân công nhiệm vụ của các thành viên HĐQT, cụ thể:

+ Chủ tịch Hội đồng quản trị đã thực hiện các quyền hạn, nhiệm vụ của Chủ tịch hội đồng quản trị theo Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật hiện hành. Ban hành kế hoạch chương trình hoạt động, phân công nhiệm vụ của các thành viên HĐQT, tổ chức họp, lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành các Thông báo, Nghị quyết và Quyết định của HĐQT. Chỉ đạo, quản lý và giám sát Ban điều hành thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT. Phối hợp với các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện công tác đối ngoại của HĐQT. Trực tiếp phụ trách, chỉ đạo và giám sát công tác: xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch phát triển dài hạn và kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm; sắp xếp đổi mới doanh nghiệp; cơ cấu tổ chức và công tác cán bộ; thông tin và quan hệ cổ đông; phối hợp công tác với Đảng ủy, công đoàn và các tổ chức đoàn thể của Cảng Cần Thơ. Hỗ trợ Ban điều hành trong phạm vi quyền và nghĩa vụ được giao.

+ Thành viên HĐQT chuyên trách đã thực hiện các quyền hạn, nhiệm vụ của thành viên HĐQT theo Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật hiện hành, có những đóng góp tích cực trong quá trình hỗ trợ Ban điều hành trong công tác thị trường, khách hàng, quản trị nội bộ, thực hành tiết kiệm, giảm chi phí mọi mặt, các vấn đề có liên quan đến hoạt động của các chi nhánh. Theo dõi, giám sát hoặc tăng cường chỉ đạo các công tác: thanh tra, kiểm tra, kiểm soát, khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng, lãng phí; đổi mới sáng tạo; công nghệ thông tin; công tác pháp chế hàng hải; công tác xây dựng, ban hành các quy chế quản lý nội bộ. Hỗ trợ HĐQT trong quan hệ đối ngoại với các cơ quan tại địa phương, hỗ trợ mở rộng thị trường tại khu vực Vàm Cái Sắn và khu vực Cảng Sóc Trăng. Giám sát và chỉ đạo các vấn đề có liên quan kiểm soát, quản trị nội bộ.

+ Thành viên HĐQT Công ty đã thực hiện các quyền hạn, nhiệm vụ của thành viên HĐQT theo Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật hiện hành. Trực tiếp phụ trách, theo dõi, chỉ đạo, kết hợp với Ban điều hành tham mưu cho HĐQT các chiến lược về công tác sản xuất kinh doanh, giữ vững thị trường, khách hàng. Tập trung tìm các giải pháp mở rộng thị trường, phát triển sản xuất kinh doanh. chỉ đạo và giám sát công tác: thi đua, khen thưởng, kỷ luật; tài chính kế toán, đầu tư, mua sắm, thanh lý tài sản, sửa chữa của Công ty, các công tác liên quan đến lĩnh vực khai thác cảng biển và dịch vụ hàng hải; hỗ trợ công tác thực hiện kế hoạch kinh doanh, đầu tư; hợp tác, liên doanh, liên kết và các vấn đề khác có liên quan đến phát triển thị trường khu vực miền Tây và thành phố Hồ Chí Minh, các công tác quản trị tài chính của Công ty, công tác đầu tư, hỗ trợ HĐQT tăng cường sự kết nối với cơ quan cấp trên và các Ban chuyên ngành Tổng công ty HHVN – CTCP, các hoạt động đầu tư của Công ty ra bên ngoài theo đúng quy định nhằm đem lại hiệu quả cao nhất cho Công ty.

1.3.2. Các nghị quyết, quyết định

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
I	Nghị quyết			
1	Số 41/NQ-HĐQT	Ngày 03/02/2021	Về công tác cán bộ của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ	100%
2	Số 56/NQ-HĐQT	Ngày 25/02/2021	Về việc phê duyệt công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ.	100%
3	Số 96/NQ-HĐQT	Ngày 25/3/2021	Về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư đóng mới sà lan mặt bằng từ 400 – 600 tấn.	100%
4	Số 145/NQ-HĐQT	Ngày 15/4/2021	Về việc phê duyệt quỹ tiền lương kế hoạch năm 2021 của người lao động Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ.	100%
5	Số 177/NQ-HĐQT	Ngày 05/5/2021	Về việc phê duyệt lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ	100%
6	Số 207/NQ-HĐQT	Ngày 24/5/2021	Về việc thống nhất tham gia chương trình mua bảo hiểm tập trung do Tổng công ty tổ chức.	100%
7	Số 235/NQ-HĐQT	Ngày 04/6/2021	Về việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty	100%
8	Số 259/NQ-HĐQT	Ngày 17/6/2021	Về việc thông qua chủ trương ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ qua cầu cảng Bến Cảng Cái Cui	100%
9	Số 271/NQ-HĐQT	Ngày 22/6/2021	Về việc thông qua chủ trương đầu tư máy photocopy cho Văn phòng Công ty	100%
10	Số 351/NQ-HĐQT	Ngày 09/8/2021	Về việc thông qua chủ trương tuyển dụng và thành lập đội công nhân xếp dỡ của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ	100%
11	Số 452/NQ-HĐQT	Ngày 14/10/2021	Về việc thông qua chủ trương, đề án tuyển dụng Phó Tổng giám đốc và thực hiện công tác cán bộ của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ	100%

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

12	Số 616/NQ-HĐQT	Ngày 31/12/2021	Về việc thông qua chủ trương cho thuê bãi thành lập Trung tâm chiếu xạ Cần Thơ tại bến Cảng Cái Cui – CTCT Cảng Cần Thơ	100%
II	Quyết định			
1	Số 41/QĐ-HĐQT	Ngày 27/01/2021	Về việc thành lập Ban chỉ đạo phòng, chống tham nhũng Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ	100%
2	Số 24/QĐ-HĐQT	Ngày 03/02/2021	Về việc bổ nhiệm lại ông Lâm Trúc Sơn, giữ chức danh Kế toán trưởng Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ	100%
3	Số 30/QĐ-HĐQT	Ngày 25/02/2021	Về việc thành lập các Ban, Tổ phục vụ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	100%
4	Số 41/QĐ-HĐQT	Ngày 25/3/2021	Về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư đóng mới sà lan mặt bằng từ 400 – 600 tấn.	100%
5	Số 58/QĐ-HĐQT	Ngày 15/4/2021	Phê duyệt quyết toán tiền lương, thù lao của người quản lý, tiền lương của người lao động năm 2020, quỹ tiền lương kế hoạch của người lao động năm 2021	100%
6	Số 83/QĐ-HĐQT	Ngày 14/5/2021	Về việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ (sửa đổi, bổ sung năm 2021)	100%
7	Số 85/QĐ-HĐQT	Ngày 14/5/2021	Về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ (sửa đổi, bổ sung năm 2021)	100%
8	Số 96/QĐ-HĐQT	Ngày 4/6/2021	Về việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty	100%
9	Số 109/QĐ-HĐQT	Ngày 18/6/2021	Về việc phê duyệt chủ trương ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ qua cầu cảng Bến Cảng Cái Cui	100%
10	Số 112/QĐ-HĐQT	Ngày 22/6/2021	Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư máy photocopy cho Văn phòng Công ty	100%
11	Số 147/QĐ-HĐQT	Ngày 10/8/2021	Về việc phê duyệt chủ trương tuyển dụng và thành lập đội công nhân xếp dỡ của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ	100%
12	Số 169/QĐ-HĐQT	Ngày 11/10/2021	Về việc phân công nhiệm vụ thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ	100%

13	Số 196/QĐ-HĐQT	Ngày 19/11/2021	Về việc thành lập Hội đồng tuyển dụng của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ	100%
14	Số 217/QĐ-HĐQT	Ngày 31/12/2021	Về việc phê duyệt chủ trương cho thuê bãi thành lập Trung tâm chiếu xạ Cần Thơ tại bến Cảng Cái Cui – CTCT Cảng Cần Thơ	100%

1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/Activities of independent members of the Board of Directors. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị/Activities of the committees of the Board of Directors: Không.

1.5. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm/List of members of the Board of Directors possessing certificates on corporate governance. List of members of the Board of Directors participating in corporate governance training programs in the year.

LÝ LỊCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Ông Lâm Tiến Dũng – Chủ tịch HĐQT	
Năm sinh	09/11/1963
Nơi sinh	Cần Thơ
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Máy tàu thủy, Kỹ sư Kinh tế Vận tải biển
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	3.200
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	6.278.900
2. Ông Nguyễn Văn Phương – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc (xem phần lý lịch Ban TGD)	
3. Ông Nguyễn Văn Bá – Thành viên HĐQT	
Năm sinh	19/07/1962
Nơi sinh	Cần Thơ
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Luật
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	3.200
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	5.411.200
4. Ông Phạm Bá Ngân – Thành viên HĐQT	
Năm sinh	23/10/1976
Nơi sinh	Huyện Thủy Nguyên, TP.Hải Phòng

<i>Trình độ chuyên môn</i>	<i>Thạc sỹ quản trị kinh doanh</i>
<i>Số cổ phiếu cá nhân sở hữu</i>	0
<i>Số cổ phiếu đại diện sở hữu</i>	5.411.200
5. Ông Hoàng Việt – Thành viên HĐQT	
<i>Năm sinh</i>	12/12/1982
<i>Nơi sinh</i>	Hà Nội
<i>Trình độ chuyên môn</i>	<i>Kế toán tài chính</i>
<i>Số cổ phiếu cá nhân sở hữu</i>	0
<i>Số cổ phiếu đại diện sở hữu</i>	5.411.200

2. Ban Kiểm soát/ Board of Supervisors

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/Members and structure of the Board of Supervisors:

CÁC THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
1	Nguyễn Hồng Hải	Trưởng Ban	-	-
2	Trịnh Thanh Tùng	Thành viên	1.900	0,01%
3	Nguyễn Thị Dung	Thành viên	-	-

LÝ LỊCH CỦA CÁC THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

1. Ông Nguyễn Hồng Hải – Trưởng Ban Kiểm Soát	
<i>Năm sinh</i>	27/10/1975
<i>Nơi sinh</i>	Thanh Hóa
<i>Trình độ chuyên môn</i>	Cử nhân Tài chính – Kế toán
<i>Số cổ phiếu cá nhân sở hữu</i>	-
<i>Số cổ phiếu đại diện sở hữu</i>	-
2. Ông Trịnh Thanh Tùng – Thành viên BKS	
<i>Năm sinh</i>	10/07/1978

Nơi sinh	Hậu Giang
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế Lao động, Cử nhân Tài chính – Kế toán
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	1.900
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	-
3. Ông Nguyễn Thị Dung – Thành viên BKS	
Năm sinh	12/9/1991
Nơi sinh	Ngư Lộc – Hậu Lộc – Thanh Hóa
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Tài chính ngân hàng
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	-
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	-

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát/Activities of the Board of Supervisors:

Ngày 15/7/2021, Thành viên Ban Kiểm soát là ông Trịnh Thanh Tùng đã có Đơn xin từ nhiệm, Ban Kiểm soát đã báo cáo Hội đồng quản trị, phối hợp với Hội đồng quản trị thực hiện các thủ tục theo quy định, họp Ban Kiểm soát để phân công lại nhiệm vụ đối với thành viên để tổ chức thực hiện nhiệm vụ với các công việc chính sau:

- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc liên quan đến việc thực hiện hoạt động kinh doanh năm 2021 theo quy định tại Điều lệ Công ty.
- Tham dự, tham gia ý kiến đối với các nội dung tại cuộc họp hoặc xin ý kiến của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ Công ty.
- Soát xét Báo cáo tài chính định kỳ, bán niên và thẩm định báo cáo tài chính năm 2021.
- Giám sát thực hiện kế hoạch kinh doanh, đầu tư của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thường năm năm 2021 thông qua.
- Xem xét báo cáo thường niên tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh và kế hoạch của Công ty 2021.
- Thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Transactions, remunerations and interests of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/Salary, rewards, remuneration and benefits:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao/năm (đồng)	Lương, thưởng/năm (đồng)
1	Lâm Tiến Dũng	Chủ tịch		312.000.000
2	Nguyễn Văn Bá	Thành viên		264.000.000
3	Phạm Bá Ngân	Thành viên	36.000.000	
4	Hoàng Việt	Thành viên	36.000.000	
5	Nguyễn Văn Phương	Thành viên HĐQT kiêm TGD	36.000.000	288.000.000
6	Nguyễn Hồng Hải	Trưởng BKS	36.000.000	
7	Trịnh Thanh Tùng	Thành viên BKS	18.000.000	
8	Nguyễn Thị Dung	Thành viên BKS	24.000.000	
9	Lê Tiến Công	Phó TGD		240.000.000
10	Tạ Khả Duy	Phó TGD		240.000.000
11	Lâm Trúc Sơn	Kế toán trưởng		240.000.000
	Tổng cộng		186.000.000	1.884.000.000

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ/ Transactions of internal shareholders: Không

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ/ Contracts or transactions with internal shareholders:

Trong năm 2021, Công ty có thực hiện giao dịch với Người có liên quan kết quả thực hiện được nêu tại mục 33 Thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2021 đã được Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC ban hành ngày 28/2/2022 của Công ty. Cụ thể:

Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ và Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam tiếp tục thực hiện Hợp đồng số 09/2018/HĐTĐ-CCT ký ngày 22/9/2018 về việc cho Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam thuê 3.007m² bãi tại Cảng Hoàng Diệu để xây dựng kho hàng tổng hợp, và Hợp đồng số 55/2009/VIMV-CCT ngày 15/5/2019 về việc Cảng Cần Thơ thuê 3.007m² kho hàng tổng hợp từ Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Đây là hợp đồng mang tính hỗ trợ của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam cho doanh nghiệp để có thêm kho hàng phục vụ lưu trữ các mặt hàng bao tại Cảng Hoàng Diệu trong bối cảnh nguồn lực tài chính của doanh nghiệp còn rất khó khăn tại thời điểm năm 2018, 2019 không thể huy động nguồn vốn để đầu tư.

Cảng Cần Thơ và Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam tiếp tục thực hiện Văn bản thỏa thuận về việc nhận nợ và hoàn trả tiền cho bên bảo lãnh ngày 30 tháng 9 năm 2019. Đây là khoản tiền Tổng công ty Hàng hải Việt Nam thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với Cảng Cần Thơ để trả cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Chương Dương.

Kết quả giao dịch với cổ đông Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam trong năm 2021:

- Cảng Cần Thơ thu từ Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam theo Hợp đồng số 09/2018/HĐTĐ-CCT với tổng số tiền là: **216.504.000 đồng** (Bằng chữ: Hai trăm mười sáu triệu, năm trăm linh bốn nghìn đồng).

- Cảng Cần Thơ thanh toán cho Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam theo Hợp đồng số 55/2009/VIMV-CCT với tổng số tiền là: **1.299.816.345 đồng** (Bằng chữ: Một tỉ, hai trăm chín mươi chín triệu, tám trăm mười sáu nghìn, ba trăm bốn mươi lăm đồng).

- Cảng Cần Thơ thanh toán cho Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam theo Văn bản thỏa thuận về việc nhận nợ và hoàn trả tiền cho bên bảo lãnh ngày 30 tháng 9 năm 2019 với tổng số tiền là: **9.400.000.000 đồng** (Bằng chữ: Chín tỉ, bốn trăm triệu đồng).

3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/ Implementation of regulations on corporate governance: Không

VI. Báo cáo tài chính/ Financial statements

1. Ý kiến kiểm toán/Auditor's opinions: Chấp nhận toàn phần

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/Audited financial statements

Cần Thơ, ngày 28 tháng 3 năm 2022

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ
TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Phương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021
(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-34
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-34

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên Cảng Cần Thơ (công ty 100% vốn nhà nước) theo Quyết định số 652/QĐ-HHVN ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1801319907 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 31 tháng 10 năm 2013, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 19 tháng 04 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lâm Tiến Dũng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Bá	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Phương	Ủy viên
Ông Phạm Bá Ngân	Ủy viên
Ông Hoàng Việt	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Phương	Quyền Tổng Giám đốc
Ông Tạ Khả Duy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Tiến Công	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Hồng Hải	Trưởng ban
Ông Trịnh Thanh Tùng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Dung	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Phương

Q. Tổng Giám đốc

Cần Thơ, ngày 20 tháng 02 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ được lập ngày 20 tháng 02 năm 2022, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như Công ty đã trình bày tại thuyết minh số 10 - Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, "Dự án Xây dựng công trình Cảng Cái Cui giai đoạn I" được triển khai từ năm 2002 với tổng mức đầu tư theo dự toán ban đầu là 230,3 tỷ đồng; "Dự án Xây dựng công trình Cảng Cái Cui giai đoạn II" được triển khai từ năm 2009 với tổng mức đầu tư theo dự toán ban đầu là 829,8 tỷ đồng. Việc đầu tư 02 dự án đã kéo dài hơn so với dự kiến ban đầu và hiện vẫn chưa hoàn thành. Tổng chi phí đầu tư của dự án Giai đoạn I và Giai đoạn II tính đến thời điểm 31/12/2021 lần lượt là 59,4 tỷ đồng và 14,5 tỷ đồng. Công ty đang chờ hoàn tất thủ tục pháp lý và huy động vốn để tiếp tục triển khai đầu tư khi có điều kiện.

Các vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến ngoại trừ nêu trên của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biền

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Nguyễn Tuấn Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1369-2018-002-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN


Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		77.935.617.537	68.517.892.302
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	27.840.121.984	12.510.512.474
111	1. Tiền		11.546.739.335	8.089.354.413
112	2. Các khoản tương đương tiền		16.293.382.649	4.421.158.061
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	10.537.350.000	8.787.350.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		10.537.350.000	8.787.350.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		37.979.507.435	43.316.885.978
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	28.813.436.278	31.264.867.787
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	3.653.184.625	3.742.184.329
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	12.205.530.383	14.554.692.213
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(6.692.643.851)	(6.244.858.351)
140	IV. Hàng tồn kho	9	990.046.293	1.143.448.892
141	1. Hàng tồn kho		990.046.293	1.143.448.892
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		588.591.825	2.759.694.958
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	588.591.825	1.041.693.573
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	785.520.455
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	-	932.480.930
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		287.137.772.896	294.603.768.641
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		75.000.000	72.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	75.000.000	72.000.000
220	II. Tài sản cố định		204.498.423.799	211.621.739.770
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	199.820.669.478	206.793.097.641
222	- Nguyên giá		457.546.672.026	450.022.184.254
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(257.726.002.548)	(243.229.086.613)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	4.677.754.321	4.828.642.129
228	- Nguyên giá		8.055.335.602	8.055.335.602
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.377.581.281)	(3.226.693.473)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	10	74.511.730.106	74.252.722.837
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		74.511.730.106	74.252.722.837
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	4.497.251.573	4.497.251.573
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		4.497.251.573	4.497.251.573
260	VI. Tài sản dài hạn khác		3.555.367.418	4.160.054.461
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	3.555.367.418	4.160.054.461
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		365.073.390.433	363.121.660.943

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		100.439.608.981	101.128.908.001
310	I. Nợ ngắn hạn		26.190.760.351	20.254.096.374
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	3.798.414.550	1.006.124.555
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		131.050.000	282.186.006
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	740.169.951	161.187.716
314	4. Phải trả người lao động		1.155.179.501	1.092.631.540
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	4.511.816.378	1.853.511.256
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	105.840.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	6.445.645.548	6.344.130.878
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	9.400.000.000	9.400.000.000
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		8.484.423	8.484.423
330	II. Nợ dài hạn		74.248.848.630	80.874.811.627
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	27.231.527.102	24.457.490.099
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	47.017.321.528	56.417.321.528
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		264.633.781.452	261.992.752.942
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	264.633.781.452	261.992.752.942
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		275.281.179.597	275.281.179.597
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		275.281.179.597	275.281.179.597
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		646.231.180	646.231.180
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(11.293.629.325)	(13.934.657.835)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(13.934.657.835)	(15.287.846.169)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		2.641.028.510	1.353.188.334
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		365.073.390.433	363.121.660.943


Thái Thị Mỹ Linh
Người lập


Lâm Trúc Sơn
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Phương
Q. Tổng Giám đốc



Cần Thơ, ngày 20 tháng 02 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	121.946.310.725	112.564.820.588
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		121.946.310.725	112.564.820.588
11	4. Giá vốn hàng bán	22	91.683.266.803	86.539.345.290
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		30.263.043.922	26.025.475.298
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	1.091.788.156	1.185.981.580
22	7. Chi phí tài chính	24	2.774.722.586	3.234.413.797
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		2.774.037.003	3.234.413.797
25	8. Chi phí bán hàng	25	850.827.432	797.411.130
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25.094.572.424	22.539.806.707
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.634.709.636	639.825.244
31	11. Thu nhập khác		6.330.742	719.464.616
32	12. Chi phí khác		11.868	6.101.526
40	13. Lợi nhuận khác		6.318.874	713.363.090
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.641.028.510	1.353.188.334
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		2.641.028.510	1.353.188.334
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	96	49



Thái Thị Mỹ Linh
Người lập



Lâm Trúc Sơn
Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Phương
Q. Tổng Giám đốc

Cần Thơ, ngày 20 tháng 02 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		2.641.028.510	1.353.188.334
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		14.681.803.743	15.826.249.077
03	- Các khoản dự phòng		447.785.500	(1.058.037.967)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		685.583	(1.046.691)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.094.515.429)	(1.184.934.889)
06	- Chi phí lãi vay		2.774.037.003	3.234.413.797
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		19.450.824.910	18.169.831.661
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		6.214.841.293	(1.272.921.433)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		153.402.599	(72.643.133)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		5.936.663.977	(5.430.178.719)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.057.788.791	(922.393.348)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		32.813.521.570	10.471.695.028
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(7.817.495.041)	(5.418.135.680)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		2.727.273	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(1.750.000.000)	-
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.481.541.291	1.490.532.373
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(8.083.226.477)	(3.927.603.307)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
34	1. Tiền trả nợ gốc vay		(9.400.000.000)	(9.621.136.073)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(9.400.000.000)	(9.621.136.073)


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ


Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		15.330.295.093	(3.077.044.352)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		12.510.512.474	15.586.510.135
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(685.583)	1.046.691
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>27.840.121.984</u>	<u>12.510.512.474</u>


Thái Thị Mỹ Linh
Người lập


Lâm Trúc Sơn
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Phương
Q. Tổng Giám đốc



Cần Thơ, ngày 20 tháng 02 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên Cảng Cần Thơ (công ty 100% vốn nhà nước) theo Quyết định số 652/QĐ-HHVN ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1801319907 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 31 tháng 10 năm 2013, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 19 tháng 04 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 284.800.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 275.281.179.597 đồng; tương đương 27.528.118 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 169 người (tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 là: 172 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là cung cấp dịch vụ vận chuyển cảng.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Bốc xếp hàng hóa đường bộ; Bốc xếp hàng hóa cảng biển;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan, kho đông lạnh (kho ngoại quan) và kho khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải ven biển, viễn dương và vận tải đường thủy nội địa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển; Dịch vụ đại lý vận tải đường biển; Khai thuế hải quan;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2021, ngành cảng biển khởi sắc, sản lượng bốc xếp các mặt hàng chủ đạo tại Cảng tăng mạnh, bên cạnh đó đơn giá dịch vụ bốc xếp cũng tăng. Do đó, doanh thu và lợi nhuận của Công ty tăng mạnh so với năm trước.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có 01 đơn vị trực thuộc là Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ - Trung tâm Logistics Cảng Sóc Trăng. Địa chỉ tại tỉnh Sóc Trăng; hoạt động kinh doanh chính là cung cấp dịch vụ vận chuyển cảng, cho thuê kho bãi.

Thông tin về công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên doanh: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính công ty liên doanh tại thời điểm trích lập dự phòng;
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 47 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 06 năm
- Tài sản cố định khác	02 - 14 năm
- Quyền sử dụng đất	20 - 50 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 1 đến 3 năm.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.14 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán .

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.19 . Doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.20 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.21 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

2.23 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25 . Thông tin bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh dịch vụ vận chuyển cảng và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	2.495.571.949	2.266.722.533
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.051.167.386	5.822.631.880
Các khoản tương đương tiền (*)	16.293.382.649	4.421.158.061
	27.840.121.984	12.510.512.474

(*) Tại ngày 31/12/2021, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng được gửi tại ngân hàng thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam với lãi suất từ 2,8%/năm đến 3%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Tiền gửi có kỳ hạn	10.537.350.000	-	8.787.350.000	-
	10.537.350.000	-	8.787.350.000	-

Tại thời điểm cuối năm và đầu năm, số dư chỉ tiêu "Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn" là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 đến 24 tháng gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong lãi suất từ 5% đến 5,8%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

b) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Tại thời điểm cuối năm và đầu năm, số dư chi tiêu "Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết" là khoản đầu tư vào Công ty TNHH Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn có tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết là 50%. Công ty liên doanh được thành lập và hoạt động tại tỉnh Trà Vinh, hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh dịch vụ vận chuyển cảng, cho thuê kho bãi. Tại thời điểm cuối năm và đầu năm, dự phòng giảm giá của khoản đầu tư bằng không. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công Ty Nhiệt Điện Duyên Hải - Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 1	4.097.708.090	-	4.892.787.116	
Công Ty Cổ Phần Tagi Logistics	3.847.201.600	-		
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Trường Sơn	1.511.551.525	(626.000.000)	2.111.551.525	
Phải thu khách hàng khác	19.356.975.063	(4.877.897.016)	24.260.529.146	(5.058.813.823)
	28.813.436.278	(5.503.897.016)	31.264.867.787	(5.058.813.823)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH Xây dựng Quân Đô	625.500.000	(625.500.000)	625.500.000	(625.500.000)
- Chi nhánh Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Du	400.000.000	-		
- Công ty Cổ phần Giải pháp Cảng và Hậu	331.160.000	-	331.160.000	-
- Các nhà cung cấp khác	2.296.524.625	(278.000.000)	2.785.524.329	(278.000.000)
	3.653.184.625	(903.500.000)	3.742.184.329	(903.500.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	4.332.185.443	-	4.292.185.443	-
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	-	-	429.753.135	-
Tạm ứng	5.090.710.475	-	6.047.474.928	-
Ký cược, ký quỹ	408.600.000	-	8.600.000	-
Phải thu các đội bốc xếp	554.647.758	-	1.816.614.820	-
Công ty TNHH Thanh Phương	300.000.000	-	968.659.911	-
Phải thu khác	1.519.386.707	(285.246.835)	991.403.976	(282.544.528)
	12.205.530.383	(285.246.835)	14.554.692.213	(282.544.528)
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	18.000.000	-	15.000.000	-
Phải thu khác	57.000.000	-	57.000.000	-
	75.000.000	-	72.000.000	-
c) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan				
	4.332.185.443	-	4.308.830.643	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)

8 . NỢ XẤU

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH MTV Q&D	631.331.990	-	631.331.990	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà Phúc Cường	645.000.000	-	645.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy Sơn - HG	695.149.053	208.544.716	855.149.053	256.544.718
- Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu và đầu tư Trường Sơn	1.511.551.525	885.551.525	2.111.551.525	2.111.551.525
- Các khoản khác	4.874.194.181	570.486.657	7.460.293.657	3.090.371.631
	8.357.226.749	1.664.582.898	11.703.326.225	5.458.467.874

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	108.771.600	-	114.880.577	-
Công cụ, dụng cụ	285.490.162	-	285.490.162	-
Hàng hoá	595.784.531	-	743.078.153	-
	990.046.293	-	1.143.448.892	-

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Công trình Cảng Cái Cui giai đoạn I (*)	59.433.908.642	59.433.908.642
- Công trình Cảng Cái Cui giai đoạn II (**)	14.570.130.142	14.570.130.142
- Công trình khác	507.691.322	248.684.053
	74.511.730.106	74.252.722.837

(*) Tên dự án: Xây dựng công trình Cảng Cái Cui giai đoạn I

- Chủ đầu tư: Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam;
- Mục đích xây dựng: San lấp mặt bằng 23,4ha, tăng cường khai thác tốt nhất tiềm năng của mọi đầu giao lưu hàng hải trung tâm của khu vực đồng bằng sông Cửu Long, tạo động lực thúc đẩy nhanh quá trình
- Địa điểm xây dựng: Phường Tân Phú, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ;
- Tổng mức đầu tư: 230.346.967.886 đồng;
- Thời gian bắt đầu triển khai và dự kiến hoàn thành: Từ năm 2002 đến năm 2011;
- Tình trạng của dự án tại thời điểm 31/12/2021: Dự án đã hoàn thành và đưa vào khai thác đối với phần diện tích 9,5 ha, đối với phần diện tích đất còn lại dự án mới thực hiện việc san lấp mặt bằng và xây dựng bờ kè, chưa được đầu tư cơ sở hạ tầng cần thiết cho hoạt động của Cảng. Công ty đang chờ hoàn tất thủ tục pháp lý và huy động vốn để tiếp tục triển khai đầu tư khi có điều kiện.

() Tên dự án: Xây dựng công trình Cảng Cái Cui giai đoạn II**

- Chủ đầu tư: Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam;
- Mục đích xây dựng: Xây dựng phát triển Cảng Cái Cui với công suất từ 4,0 - 4,5 triệu tấn/ năm, tiếp nhận tàu trọng tải đến 20.000DWT, tăng cường khai thác tốt nhất tiềm năng của mọi đầu giao lưu hàng hải trung tâm của khu vực đồng bằng sông Cửu Long, tạo động lực thúc đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế trước hết cho thành phố Cần Thơ;
- Địa điểm xây dựng: Phường Tân Phú, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ;
- Tổng mức đầu tư: 829.799.174.000 đồng;
- Thời gian bắt đầu triển khai: Từ năm 2009;
- Tình trạng của dự án tại thời điểm 31/12/2021: Dự án mới triển khai được việc san lấp mặt bằng và thực hiện được một số hạng mục nhỏ. Công ty đang chờ hoàn tất thủ tục pháp lý và huy động vốn để tiếp tục triển khai đầu tư khi có điều kiện.

CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG CÀN THƠ**Báo cáo tài chính**

Số 2, KV Phú Thẳng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

11 - TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	363.165.860.984	14.951.234.156	70.080.185.214	1.004.715.000	820.188.900	450.022.184.254
- Mua trong năm	5.112.000.000	860.909.091	753.800.000	584.171.000	-	7.310.880.091
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	247.607.681	-	-	-	-	247.607.681
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(34.000.000)	-	(34.000.000)
Số dư cuối năm	368.525.468.665	15.812.143.247	70.833.985.214	1.554.886.000	820.188.900	457.546.672.026
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	179.452.428.820	7.719.149.316	55.097.945.409	533.580.360	425.982.708	243.229.086.613
- Khấu hao trong năm	10.720.992.215	827.291.429	2.805.708.770	92.150.281	84.773.240	14.530.915.935
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(34.000.000)	-	(34.000.000)
Số dư cuối năm	190.173.421.035	8.546.440.745	57.903.654.179	591.730.641	510.755.948	257.726.002.548
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	183.713.432.164	7.232.084.840	14.982.239.805	471.134.640	394.206.192	206.793.097.641
Tại ngày cuối năm	178.352.047.630	7.265.702.502	12.930.331.035	963.155.359	309.432.952	199.820.669.478

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 73.131.607.203 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 10.962.684.670 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	7.803.335.602	252.000.000	8.055.335.602
Số dư cuối năm	7.803.335.602	252.000.000	8.055.335.602
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	2.974.693.473	252.000.000	3.226.693.473
- Khấu hao trong năm	150.887.808	-	150.887.808
Số dư cuối năm	3.125.581.281	252.000.000	3.377.581.281
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	4.828.642.129	-	4.828.642.129
Tại ngày cuối năm	4.677.754.321	-	4.677.754.321

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 252.000.000 đồng.

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	208.566.960	329.600.543
Chi phí sửa chữa tài sản	105.432.296	247.587.745
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	274.592.569	464.505.285
	588.591.825	1.041.693.573
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	545.123.793	1.005.314.216
Chi phí sửa chữa tài sản	1.404.799.341	1.672.100.687
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.605.444.284	1.482.639.558
	3.555.367.418	4.160.054.461

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠNBáo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công Ty TNHH TM DV Vietgroup Cần Thơ	972.407.453	972.407.453	49.500.000	49.500.000
Đỗ Phúc Linh (Quán Ăn Lưu Động Khánh Linh)	435.303.000	435.303.000	-	-
Công ty TNHH MTV XD Vận Tài TMDV Diệu Hiền	418.379.207	418.379.207	70.503.185	70.503.185
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Xuất Nhập Khẩu Xăng Dầu Nhà Bè VT	398.600.000	398.600.000	291.900.000	291.900.000
Phải trả các đối tượng khác	1.573.724.890	1.573.724.890	594.221.370	594.221.370
	3.798.414.550	3.798.414.550	1.006.124.555	1.006.124.555

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	161.187.716	-	161.187.716	2.778.977.149	2.347.403.354	2.347.403.354	2.347.403.354	-	-	-	592.761.511
Thuế Thu nhập cá nhân	-	-	-	-	28.082.492	28.082.492	28.082.492	28.082.492	-	-	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	932.480.930	-	-	-	4.987.229.214	3.907.339.844	3.907.339.844	3.907.339.844	-	-	-	147.408.440
Các loại thuế khác	-	-	-	-	91.288.943	91.288.943	91.288.943	91.288.943	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-	7.500.000	7.500.000	7.500.000	7.500.000	-	-	-	-
	932.480.930	161.187.716	161.187.716	161.187.716	7.893.077.798	6.381.614.633	6.381.614.633	6.381.614.633	-	-	-	740.169.951

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Trích trước chi phí thuế hạ tầng cơ sở tại Cảng Sóc Trăng	2.400.000.000	-
- Trích trước phí thuê cầu	1.200.000.000	-
- Chi phí cước vận chuyển bốc xếp	911.816.378	1.853.511.256
	4.511.816.378	1.853.511.256



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

17 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	12.009.758	81.483.180
- Bảo hiểm y tế	-	229.311
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.610.415.594	1.395.486.650
- Phải trả Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam (*)	4.471.359.052	4.500.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	351.861.144	366.931.737
	<u>6.445.645.548</u>	<u>6.344.130.878</u>
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.199.558.200	1.199.558.200
- Phải trả lãi vay Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	6.008.450.800	3.234.413.797
- Ủy ban Nhân dân Thành phố Cần Thơ - Vốn Ngân sách đầu tư (**)	20.023.518.102	20.023.518.102
	<u>27.231.527.102</u>	<u>24.457.490.099</u>
c) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan	<u>10.479.809.852</u>	<u>7.734.413.797</u>
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)</i>		

(*) Khoản phải trả Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam liên quan đến việc nhận bàn giao dự án "Xây dựng công trình Cảng Cái Cui giai đoạn II".

(**) Khoản phải trả này là khoản nợ còn lại liên quan đến việc nhận bàn giao dự án "Xây dựng công trình Cảng Cái Cui giai đoạn I".

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG THƠ

Số 2, KV Phú Thẳng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

18 . VAY

	01/01/2021		Trong năm		31/12/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay dài hạn đến hạn trả	9.400.000.000	9.400.000.000	9.400.000.000	9.400.000.000	9.400.000.000	9.400.000.000
- Tổng công ty Hàng hải Việt Nam (*)	9.400.000.000	9.400.000.000	9.400.000.000	9.400.000.000	9.400.000.000	9.400.000.000
	9.400.000.000	9.400.000.000	9.400.000.000	9.400.000.000	9.400.000.000	9.400.000.000
b) Vay dài hạn						
- Tổng công ty Hàng hải Việt Nam (*)	65.817.321.528	65.817.321.528	-	9.400.000.000	56.417.321.528	56.417.321.528
	65.817.321.528	65.817.321.528	-	9.400.000.000	56.417.321.528	56.417.321.528
	(9.400.000.000)	(9.400.000.000)	-	-	(9.400.000.000)	(9.400.000.000)
	56.417.321.528	56.417.321.528	-	-	47.017.321.528	47.017.321.528

(*) Căn cứ Văn bản thỏa thuận về việc nhận nợ và hoàn trả tiền cho bên bảo lãnh ngày 30/09/2019 ký với Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam, kèm theo các Văn bản nhận nợ số 01/2019 ngày 30/09/2019 và số 02/2019 ngày 30/12/2019, trong năm 2019, Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam đã thanh toán hộ Công ty toàn bộ khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - chi nhánh Chương Dương, bao gồm nợ gốc là 56.416.677.5% VND và nợ lãi là 18.800.643.932 VND, với các điều khoản chi tiết sau:

+ Bên cho vay: Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam, là bên liên quan có mối quan hệ là Công ty mẹ;

+ Số tiền vay: 75.217.321.528 VND;

+ Mục đích vay: Vinalines bảo lãnh không hủy ngang cho các nghĩa vụ trả nợ bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi phạt quá hạn và các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh từ Hợp đồng Cấp tín dụng dài hạn số 03/2009/HDDTDDDH/NHTMCPCTCD-VINALINES ngày 27/10/2009. Khoản vay này để thanh toán các chi phí thực hiện bước 1 theo "Điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Cảng Cái Cui - giai đoạn II";

+ Thời hạn của hợp đồng: 8 năm;

+ Lãi suất cho vay: 4,5%/năm;

+ Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 56.417.321.528 VND, trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 9.400.000.000 VND;

+ Số dư nợ lãi vay tại thời điểm cuối năm là 6.008.450.800 VND (xem thuyết minh số 17);

+ Các biện pháp bảo đảm tiền vay: Thế chấp toàn bộ tài sản và quyền đòi nợ của Cảng Cần Thơ với các hợp đồng kinh tế liên quan đến việc cho thuê kho, bãi, cầu cảng phát sinh ở thời điểm hiện tại và trong tương lai.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
		VND	VND	VND
Số dư đầu năm	275.281.179.597	646.231.180	(15.287.846.169)	260.639.564.608
Lãi trong năm trước	-	-	1.353.188.334	1.353.188.334
Số dư cuối năm		646.231.180	(13.934.657.835)	261.992.752.942
Số dư đầu năm nay	275.281.179.597	646.231.180	(13.934.657.835)	261.992.752.942
Lãi trong năm nay		-	2.641.028.510	2.641.028.510
Số dư cuối năm nay	275.281.179.597	646.231.180	(13.934.657.835)	264.633.781.452

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	99,01%	272.566.179.597	99,01%	272.566.179.597
Các cổ đông khác	0,99%	2.715.000.000	0,99%	2.715.000.000
	100%	275.281.179.597	100%	275.281.179.597

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	275.281.179.597	275.281.179.597
- Vốn góp đầu năm	275.281.179.597	275.281.179.597
- Vốn góp cuối năm	275.281.179.597	275.281.179.597

d) Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.528.118	27.528.118
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	27.528.118	27.528.118
- Cổ phiếu phổ thông	27.528.118	27.528.118
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27.528.118	27.528.118
- Cổ phiếu phổ thông	27.528.118	27.528.118
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Quỹ đầu tư phát triển	646.231.180	646.231.180
	646.231.180	646.231.180

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký các hợp đồng thuê đất với UBND Thành phố Cần Thơ với mục đích sản xuất kinh doanh. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước. Cụ thể như sau:

STT	Vị trí	Diện tích	Thời gian thuê
1	Số 2 Phú Thắng, Phường Tân Phú, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ	218.624 m ²	50 năm từ ngày 16/8/2007 đến ngày 16/8/2057
2	Số 27 Lê Hồng Phong, Phường Trà An, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ	29.342 m ²	42 năm 4 tháng từ ngày 07/9/2007 đến ngày 13/12/2049
3	Số 27 Lê Hồng Phong, Phường Trà An, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ	28.764,1 m ²	30 năm từ ngày 22/7/1997 đến ngày 22/7/2027
4	Số 27 Lê Hồng Phong, Phường Trà An, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ	3.729,4 m ²	50 năm từ ngày 22/01/2009 đến ngày 22/01/2059

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2021	01/01/2021
- Đồng đô la Mỹ (USD)	1.728,92	1.742,12

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	10.933.078.927	12.599.702.596
Doanh thu cung cấp dịch vụ	111.013.231.798	99.965.117.992
	121.946.310.725	112.564.820.588

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	10.288.255.632	11.895.164.712
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	81.395.011.171	74.644.180.578
	91.683.266.803	86.539.345.290

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	901.788.156	784.934.889
Cổ tức, lợi nhuận được chia	190.000.000	400.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	1.046.691
	1.091.788.156	1.185.981.580
Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính nhận từ các bên liên quan	150.000.000	400.000.000

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	2.774.037.003	3.234.413.797
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	685.583	-
	2.774.722.586	3.234.413.797
Trong đó: Chi phí hoạt động tài chính trả cho các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)	2.774.037.003	3.234.413.797

25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nhân công	574.357.540	501.905.648
Chi phí khấu hao tài sản cố định	175.511.760	176.180.196
Chi phí dịch vụ mua ngoài	60.593.557	104.635.480
Chi phí khác bằng tiền	40.364.575	14.689.806
	850.827.432	797.411.130

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	843.374.787	121.282.318
Chi phí nhân công	13.813.881.157	13.151.468.804
Chi phí khấu hao tài sản cố định	571.872.449	745.608.375
Thuế, phí, lệ phí	145.757.041	18.000.000
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	447.785.500	(1.058.037.967)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.353.513.709	3.619.410.571
Chi phí khác bằng tiền	5.918.387.781	5.942.074.606
	25.094.572.424	22.539.806.707

27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.641.028.510	1.353.188.334
Các khoản điều chỉnh giảm	(2.641.028.510)	(1.353.188.334)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(190.000.000)	(400.000.000)
- Chuyển lỗ các năm trước	(2.451.028.510)	(953.188.334)
Thu nhập chịu thuế TNDN	-	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

28 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	2.641.028.510	1.353.188.334
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	2.641.028.510	1.353.188.334
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	27.528.118	27.528.118
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	96	49

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.008.350.472	2.188.735.526
Chi phí nhân công	37.564.660.742	21.174.003.544
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.681.803.743	15.826.249.077
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.988.756.953	41.182.204.678
Chi phí khác bằng tiền	8.470.839.117	15.208.296.487
	106.714.411.027	95.579.489.312

30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.840.121.984	-	12.510.512.474	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	41.093.966.661	(5.789.143.851)	45.891.560.000	(5.341.358.351)
Các khoản cho vay	10.537.350.000	-	8.787.350.000	-
	79.471.438.645	(5.789.143.851)	67.189.422.474	(5.341.358.351)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

	Giá trị số kế toán	
	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	56.417.321.528	65.817.321.528
Phải trả người bán, phải trả khác	37.475.587.200	31.807.745.532
Chi phí phải trả	4.511.816.378	1.853.511.256
	98.404.725.106	99.478.578.316

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

	Từ 1 năm trở xuống	Từ 1 năm trở xuống	Từ 1 năm trở xuống	Từ 1 năm trở xuống
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.840.121.984	-	-	27.840.121.984
Phải thu khách hàng, phải thu khác	35.229.822.810	75.000.000	-	35.304.822.810
Các khoản cho vay	10.537.350.000	-	-	10.537.350.000
	73.607.294.794	75.000.000	-	73.682.294.794
Tại ngày 01/01/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.510.512.474	-	-	12.510.512.474
Phải thu khách hàng, phải thu khác	45.256.313.165	72.000.000	-	45.328.313.165
Các khoản cho vay	8.787.350.000	-	-	8.787.350.000
	66.554.175.639	72.000.000	-	66.626.175.639

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2021				
Vay và nợ	9.400.000.000	47.017.321.528	-	56.417.321.528
Phải trả người bán, phải trả khác	10.244.060.098	27.231.527.102	-	37.475.587.200
Chi phí phải trả	4.511.816.378	-	-	4.511.816.378
	24.155.876.476	74.248.848.630	-	98.404.725.106

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2021				
Vay và nợ	9.400.000.000	56.417.321.528	-	65.817.321.528
Phải trả người bán, phải trả khác	7.350.255.433	24.457.490.099	-	31.807.745.532
Chi phí phải trả	1.853.511.256	-	-	1.853.511.256
	<u>18.603.766.689</u>	<u>80.874.811.627</u>	<u>-</u>	<u>99.478.578.316</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

31 . THÔNG TIN KHÁC

Tính đến thời điểm 31/12/2021, vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 284,8 tỷ VND, tuy nhiên vốn thực góp chỉ có 275,3 tỷ VND. Vào ngày 02/06/2021, Công ty đã gửi công văn số 198/CCT-TCNS tới Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ về việc điều chỉnh giảm vốn điều lệ của Doanh nghiệp và đang chờ được chấp thuận.

32 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

33 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty TNHH Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn	Công ty liên doanh
Ông Lâm Tiến Dũng	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Văn Bá	Ủy viên Hội đồng quản trị
Ông Phạm Bá Ngân	Ủy viên Hội đồng quản trị
Ông Hoàng Việt	Ủy viên Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Văn Phương	Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Q. Tổng Giám đốc
Ông Tạ Khả Duy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Tiến Công	Phó Tổng Giám đốc

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Mua hàng	1.299.816.345	625.155.300
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	1.299.816.345	625.155.300
Doanh thu hoạt động tài chính	150.000.000	400.000.000
Lợi nhuận được chia từ Công ty TNHH Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn	150.000.000	400.000.000
Chi phí hoạt động tài chính	2.774.037.003	3.234.413.797
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	2.774.037.003	3.234.413.797

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải thu khác	4.332.185.443	4.308.830.643
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	-	16.645.200
Công ty TNHH Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn	4.332.185.443	4.292.185.443
Phải trả người bán ngắn hạn	241.954.947	276.196.815
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	241.954.947	276.196.815
Phải trả khác	10.479.809.852	7.734.413.797
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	10.479.809.852	7.734.413.797

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Thu nhập của Ông Lâm Tiến Dũng	312.000.000	312.000.000
Thu nhập của Ông Nguyễn Văn Bá	264.000.000	264.000.000
Thu nhập của Ông Nguyễn Văn Phương	288.000.000	288.000.000
Thu nhập của Ông Phạm Bá Ngân	-	-
Thu nhập của Ông Hoàng Việt	-	-
Thu nhập của Ông Tạ Khả Duy	240.000.000	240.000.000
Thu nhập của Ông Lê Tiến Công	240.000.000	240.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

34 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Thái Thị Mỹ Linh
Người lập



Lâm Trúc Sơn
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Phương
Q. Tổng Giám đốc

Cần Thơ, ngày 20 tháng 02 năm 2022

